

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG VIỆT TRƯỜNG

NGHIÊN CỨU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP VỚI
DU LỊCH MẠO HIỂM TẠI KHU MỎ KẼM – CHÌ CHỢ ĐIỀN,
HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, Năm 2010

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG VIỆT TRƯỜNG

NGHIÊN CỨU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP VỚI
DU LỊCH MẠO HIỂM TẠI KHU MỎ KẼM – CHÌ CHỢ ĐIỀN,
HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

Chuyên ngành: Môi trường trong phát triển bền vững
(Chương trình đào tạo thí điểm)

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS. LÊ TRỌNG CÚC

Hà Nội, Năm 2010

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ -----	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU -----	3
1.1. Cơ sở lý luận -----	3
1.1.1. <i>Một số khái niệm và thuật ngữ</i> -----	3
1.1.2. <i>Xu hướng du lịch thân thiện với môi trường hiện nay</i> -----	4
1.1.3. <i>Các loại hình du lịch sinh thái kết hợp mạo hiểm trên thế giới</i> -----	6
1.2. Hiện trạng các loại hình du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm ở Việt Nam -----	8
1.2.1. <i>Khái quát về du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm ở Việt Nam</i> -----	8
1.2.2. <i>Các hình thức du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm tại các khu mỏ đã khai thác xong, đã hoàn thổ phục hồi môi trường trên thế giới và ở Việt Nam</i> -----	11
1. Khu du lịch sinh thái Cửa Hội-----	14
2. Khu du lịch sinh thái Bửu Long – Đồng Nai-----	16
3. Khu du lịch sinh thái Thanh Nhàn-----	18
CHƯƠNG 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU -----	19
2.1.2. <i>Điều kiện tự nhiên</i> -----	19
2.1.3. <i>Điều kiện văn hóa xã hội</i> -----	23
2.2. Phương pháp luận: -----	25
2.2.1. <i>Lý thuyết sinh thái học nhân văn [4]</i> -----	25
2.2.2. <i>Lý thuyết hệ thống [4]</i> -----	26
2.2.3. <i>Phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch theo từng dạng tài nguyên [11]</i> -----	27
2.2.4. <i>Vận dụng phương pháp luận vào thực tế khu vực nghiên cứu</i> -----	28
2.3. Phương pháp nghiên cứu -----	30
2.3.1. <i>Thu thập tài liệu thứ cấp:</i> -----	30
2.3.2. <i>Phương pháp PRA</i> -----	30
2.3.3. <i>Phương pháp phân tích SWOT</i> -----	32
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU -----	34
3.1. Hiện trạng khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền -----	34
3.1.1. <i>Hiện trạng khu mỏ</i> -----	34
3.1.2. <i>Hiện trạng môi trường khu mỏ</i> -----	34
3.2. Phân tích những điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) của tài nguyên du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền -----	39
3.2.1. <i>Phân tích những điểm mạnh, yếu (yếu tố bên trong)</i> -----	41
3.2.2. <i>Những cơ hội và thách thức (yếu tố bên ngoài)</i> -----	46
3.3. Tiềm năng du lịch sinh thái, mạo hiểm và khả năng phát triển du lịch sinh thái – mạo hiểm cho khu mỏ này và một số định hướng. -----	52
3.3.1. <i>Tiềm năng du lịch sinh thái – mạo hiểm, tổng hợp bằng phương pháp SWOT</i> -----	52
3.3.2. <i>Đề xuất một số hướng tiếp cận cho hoạt động du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm tại khu mỏ</i> 53	
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ -----	57
I – KẾT LUẬN -----	57
II – KIẾN NGHỊ -----	58
TÀI LIỆU THAM KHẢO -----	59
PHỤ LỤC 1: Một số hình ảnh về các khu Du lịch sinh thái – Du lịch mạo hiểm trên thế giới và Việt Nam xây dựng từ khu khai thác mỏ đã ngừng hoạt động	
PHỤ LỤC 2: Một số văn bản pháp lý và tiêu chuẩn môi trường	

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 2.1: Diễn biến nền nhiệt độ hàng tháng ở Chợ Điền [25].....	21
Bảng 2.2: Tình hình sử dụng đất huyện Chợ Đồn [25]	24
Bảng 2.4: Tóm tắt phương pháp phân tích thông tin SWOT.....	33
Bảng 3.1 : Kết quả phân tích nồng độ bụi và khí thải của khu mỏ [28].....	34
Bảng 3.2: Kết quả độ rung, bụi và tiếng ồn các năm của khu mỏ [26], [27], [28]	35
Bảng 3.3: Diễn biến chất lượng nước ngầm khu mỏ [25], [26], [27]	37
Bảng 3.4: Diện tích và độ che phủ rừng tại xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn [18]	38
Bảng 3.5: Tóm tắt các yếu tố SWOT của tài nguyên du lịch sinh thái – mạo hiểm.	40

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1.1: Du khách tham gia Canoying	11
Hình 1.2: Du khách hứng thú với trekking (ảnh chụp ở Bản Lác, Hòa Bình).....	11
Hình 1.3: Sơ đồ vị trí khu DLST Cửa Hội.....	14
Hình 1.4: Vị trí của khu du lịch sinh thái Bửu Long.....	16
Hình 2.1: Vị trí mỏ Kẽm – Chi Chợ Điền, tỉnh Bắc Kạn	20
Hình 2.2: Tác động của các yếu tố vào Du lịch sinh thái và Du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Kẽm – Chi Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.....	29
Hình 2.3: Tóm tắt quá trình tham vấn và phỏng vấn bán chính thức	32
Hình 3.1: Tỷ lệ che phủ rừng xã Bản Thi năm 2009	39
Hình 3.2: Khu mỏ Chợ Điền [23].....	41
Hình 3.3: Khối đá địa chất tại mỏ [23]	41
Hình 3.4: Đường lên mỏ hiểm trở [23].....	42
Hình 3.5: Suối chảy qua khu mỏ [23].....	42
Hình 3.6: Đường giao thông lên khu mỏ [28].....	44
Hình 3.7: Văn phòng mỏ Chợ Điền [28]	44
Hình 3.8: Khu mỏ trong màn sương [28]	47
Hình 3.9: Bãi đá tai mèo kỳ lạ [28]	47
Hình 3.10: Sơ đồ Tác động của các yếu tố vào Du lịch sinh thái và mạo hiểm và những sản phẩm Du lịch sinh thái và mạo hiểm tại khu mỏ Chợ Điền	51

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt

ATK

BTNMT

BYT

DLST

DLMH

HTPHMT

KBTTN

QCVN

TCCP

UBND

VQG

Cụm từ nguyên gốc

An toàn khu

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Bộ Y tế

Du lịch sinh thái

Du lịch mạo hiểm

Hoàn thổ phục hồi Môi trường

Khu Bảo tồn thiên nhiên

Quy chuẩn Việt Nam

Tiêu chuẩn cho phép

Ủy ban nhân dân

Vườn Quốc gia

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc sử dụng hợp lý tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là một vấn đề nóng bỏng đối với các nước trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh dân số không ngừng gia tăng, đô thị hóa và tập trung công nghiệp, tập trung dân cư, ô nhiễm môi trường gia tăng thì nhu cầu tìm về tự nhiên là một tất yếu. Do đó, du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng đang nhận được sự quan tâm đáng kể. Theo đánh giá của Hiệp hội Du lịch Châu Á – Thái Bình Dương (PATA), Du lịch sinh thái đang có chiều hướng phát triển và trở thành một bộ phận có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất về tỉ trọng trong ngành du lịch [1].

Ngoài ý nghĩa góp phần bảo tồn tự nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và văn hóa cộng đồng; sự phát triển du lịch sinh thái đã và đang mang lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, tạo cơ hội tăng thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho quốc gia cũng như cộng đồng người dân các địa phương, nhất là người dân ở các vùng sâu, vùng xa - nơi có các khu bảo tồn tự nhiên, các khu mỏ và các cảnh quan hấp dẫn. Ngoài ra, du lịch sinh thái còn góp phần vào việc nâng cao dân trí và sức khỏe cộng đồng thông qua các hoạt động giáo dục môi trường, văn hóa lịch sử và nghỉ ngơi giải trí. Chính vì vậy ở nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, bên cạnh các lợi ích về kinh tế, du lịch sinh thái còn được xem như một giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường thông qua quá trình làm giảm sức ép khai thác nguồn lợi tự nhiên phục vụ nhu cầu của khách du lịch, của người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động du lịch [10].

Tại Việt Nam, du lịch sinh thái còn tương đối mới mẻ. Mặc dù nước ta có nhiều tiềm năng tự nhiên và văn hóa phù hợp để phát triển ngành công nghiệp không khói này nhưng phần lớn các hoạt động du lịch sinh thái thường chỉ được tiến hành tại các Vườn Quốc gia, các Khu Bảo tồn và vùng đệm.

Một xu hướng phát triển du lịch sinh thái tại các khu vực có cảnh quan đẹp tại các khu mỏ đã hoàn thổ phục hồi môi trường (HTPHMT) hoặc du lịch mạo hiểm ở các khu mỏ đang khai thác nhưng có cảnh quan đẹp, thiên nhiên kỳ thú, địa hình hiểm trở. Việc kết hợp du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm là một trong những ưu tiên phát triển trong

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 [32].

Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn là khu vực có cảnh quan đẹp, địa hình hiểm trở và đặc trưng của vùng trung du miền núi Bắc Bộ. Bên cạnh hoạt động khai thác khoáng sản diễn ra trên một diện tích rất nhỏ, khu vực này có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm. Phát triển du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm tại khu mỏ này sẽ mở ra một hướng mới cho khu mỏ trong việc tăng thu nhập cho cán bộ mỏ, cho người dân trong khu vực đồng thời góp phần làm đẹp cảnh quan khu mỏ sau khi hoàn thổ và quá trình bảo tồn các hệ sinh thái nguyên sơ của khu vực này.

Chính vì những lý do trên, tác giả đề xuất luận văn “Nghiên cứu tài nguyên du lịch sinh thái – du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” nhằm làm sáng tỏ các vấn đề trên. Việc nghiên cứu các tài nguyên du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm tại khu mỏ này có thể mở ra triển vọng đầu tư các khu du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm ngay tại khu mỏ này và các khu mỏ khác có điều kiện tương tự ở Việt Nam, giúp cho các xí nghiệp khai thác mỏ định hướng cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo hướng phát triển du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm thay vì chỉ trồng cây, hoàn thổ theo phương thức cũ. Điều này vừa hợp với nguyện vọng của công ty, xí nghiệp khai thác mỏ vừa hợp với các yêu cầu pháp lý hiện nay đối với bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khoáng sản.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số khái niệm và thuật ngữ

Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định [29].

Tài nguyên du lịch gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đang được khai thác và chưa được khai thác.

- Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch
- Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch [29].

Đánh giá tài nguyên du lịch là một loại đánh giá kỹ thuật mà nhiệm vụ của nó là phân loại tài nguyên du lịch theo mức độ thuận lợi của chúng cho các hoạt động du lịch – nghỉ dưỡng của con người. Đánh giá tài nguyên du lịch cũng chính là đánh giá tổng thể tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường và nhân văn có khả năng khai thác cho du lịch [11].

Du lịch sinh thái (DLST) là một lĩnh vực còn mới do đó có nhiều định nghĩa khác nhau về DLST. Tại Australia: “Du lịch sinh thái là du lịch dựa vào thiên nhiên có liên quan đến sự giáo dục và diễn giải về môi trường thiên nhiên, được quản lý bền vững về mặt sinh thái”. Hiệp hội Du lịch quốc tế định nghĩa: “Du lịch sinh thái là việc đi lại có trách nhiệm tới các khu vực thiên nhiên mà bảo tồn được môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương”[7]. Định nghĩa cô đọng nhất về Du lịch sinh thái là định nghĩa trong Luật Du lịch: “Du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào

thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững” [29].

Du lịch mạo hiểm (Hardy Tourism, Adventure Tour) là loại hình du lịch rất mới mẻ, du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam và hiện chưa có định nghĩa chính thức trong Luật Du lịch. Theo các chuyên gia về du lịch thì: Du lịch mạo hiểm là dạng hoạt động du lịch diễn ra ngoài trời hay trong những điều kiện đặc biệt nào đó, đòi hỏi sức khỏe, bản lĩnh nhằm khám phá thiên nhiên và vượt qua những thử thách đối với du khách. Có nhiều loại hình du lịch mạo hiểm mang tính thể thao, khám phá như du lịch xe đạp (bicycling) trong điều kiện địa hình phức tạp, du lịch chèo thuyền/xuồng caiaac (boasting/ kayaking), du lịch trượt tuyết (skiing), du lịch bơi lội (swimming), du lịch lướt ván (water - skiing), du lịch leo núi (mountain climbing), du lịch lặn biển, du lịch hang động, du lịch đi bộ mạo hiểm (hiking/ trekking)..., trong đó tính tích cực vận động của khách du lịch là đặc điểm lớn nhất, tiếp đó là tính trách nhiệm trong việc tôn trọng và bảo vệ môi trường [5].

Hoàn thổ phục hồi môi trường (HTPHMT): Đây là một khái niệm mới, được dùng trong hoạt động khai thác khoáng sản. Hoàn thổ là công tác lấp đất các khu vực đã khai thác để hoàn trả lại trạng thái tự nhiên của nó hoặc để sử dụng cho các mục đích khác [23]. HTPHMT là một tập hợp các biện pháp kỹ thuật để làm hạn chế và khắc phục các tác động của ngành khai thác khoáng sản lên môi trường, chủ yếu tập trung vào các hoạt động tái phủ xanh, thiết kế địa hình đất và khôi phục lại hệ sinh thái tự nhiên của khu mỏ trước khi khai thác [3].

Khai trường: Nơi tiến hành khai thác khoáng sản; khai trường có thể khai thác một hoặc nhiều loại khoáng sản đồng thời trên một phần hay toàn bộ khu vực đó [22].

1.1.2. Xu hướng du lịch thân thiện với môi trường hiện nay

Hiện nay, ở nhiều nước, các tour du lịch đại chúng theo những chương trình tham quan ngắm cảnh chung chung đang dần nhường chỗ cho loại hình du lịch chuyên biệt như du lịch thiên nhiên, du lịch thể thao, du lịch mạo hiểm, du lịch sinh thái...[47]. Từ khoảng năm 1990 đến nay, trong khi tốc độ tăng trưởng hằng năm của du lịch đại chúng trên toàn thế giới chỉ đạt 5% thì các loại hình du lịch gắn với thiên

nhiên như du lịch mạo hiểm, du lịch quan sát đời sống hoang dã... thường đạt mức trên 20% [19], [20]. Theo kết quả của các nhà nghiên cứu School of Business thuộc Đại học George Washington (Hoa Kỳ), những du khách mạo hiểm trẻ và giàu có đã tiêu 89 tỉ USD trong năm 2009, không tính chi phí vé máy bay và trang thiết bị. Theo các nhà nghiên cứu, một khách du lịch mạo hiểm điển hình sẽ là người khoảng 36 tuổi, họ sẵn sàng chi 450-800 USD cho mỗi kỳ nghỉ (không bao gồm vé máy bay) và sở hữu một hộ chiếu [12], [20].

Hình thức đi du lịch kết hợp với làm từ thiện và du lịch thân thiện với môi trường hiện nay cũng đang trở thành xu thế. Nhiều du khách phương Tây muốn chuyên du lịch của họ mang lại lợi ích nhiều nhất cho cộng đồng sở tại và gây tác động ít nhất đến môi trường. Do đó, những tour có chương trình ăn, ở, đi lại tiết kiệm nước, nhiên liệu, hạn chế xả chất thải sẽ thu hút đối tượng này.

Hình thức du lịch thể thao cũng là một hướng mới. Tại Thụy Sĩ, những vùng du lịch có hồ nước đẹp thường có câu lạc bộ các môn thể thao mặt nước, thu hút nhiều du khách đến ở cả tuần chỉ để nghỉ ngơi và luyện tập một môn thể thao cho thành thạo.

Hiện nay, dân số thế giới không ngừng gia tăng, đô thị hóa và tập trung dân cư, tập trung công nghiệp đã gây ra ô nhiễm môi trường trầm trọng. Nhu cầu tìm về với tự nhiên là một tất yếu. Trào lưu Du lịch sinh thái đã và đang đẩy lên ở các quốc gia và nhận được sự quan tâm đáng kể. Xuất phát từ sự nhận thức được ích lợi (bảo tồn môi trường tự nhiên, bảo tồn các giá trị văn hóa của các dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội...) của du lịch sinh thái, Liên Hợp Quốc đã chọn năm 2002 làm Năm Quốc tế về du lịch sinh thái. Theo đánh giá của Hiệp hội Du lịch Châu Á – Thái Bình Dương (PATA), du lịch sinh thái đang có chiều hướng phát triển và trở thành một bộ phận có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất về tỉ trọng trong ngành du lịch. Nơi nào còn giữ được sự cân bằng sinh thái thì nơi đó sẽ có tiềm năng phát triển tốt về du lịch sinh thái và thu hút được nguồn du khách lớn, lâu dài và ổn định [1].

Du lịch sinh thái đã mang lại nhiều lợi ích cụ thể trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển bền vững. Ở Costa Rica và Venêxuêla, một số chủ trang trại chăn nuôi đã bảo vệ nhiều diện tích rừng nhiệt đới quan trọng, và do bảo vệ rừng mà họ đã biến những nơi

đó thành điểm du lịch sinh thái hoạt động tốt, giúp bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên đồng thời tạo ra công ăn việc làm mới cho dân địa phương. Ecuador sử dụng khoản thu nhập từ du lịch sinh thái tại đảo Galápagos để giúp duy trì toàn bộ mạng lưới vườn quốc gia. Tại Nam Phi, du lịch sinh thái trở thành một biện pháp hiệu quả để nâng cao mức sống của người da đen ở nông thôn, những người da đen này ngày càng tham gia nhiều vào các hoạt động du lịch sinh thái. Chính phủ Ba lan cũng tích cực khuyến khích du lịch sinh thái và gần đây đã thiết lập một số vùng Thiên nhiên và Du lịch của quốc gia để tăng cường công tác bảo vệ thiên nhiên và phát triển du lịch quốc gia. Tại Úc và Niu di lân, phần lớn các hoạt động du lịch đều có thể xếp vào hạng du lịch sinh thái. Đây là ngành công nghiệp được xếp hạng cao trong nền kinh tế của cả hai nước [19], [20].

1.1.3. Các loại hình du lịch sinh thái kết hợp mạo hiểm trên thế giới

Khách du lịch sinh thái chủ yếu là cư dân của các nước phát triển, và họ thường đi du lịch đến các nước đang phát triển. Để thu hút thêm được nhiều khách du lịch đến với nước mình, các loại hình du lịch sinh thái thường được đa dạng hóa và kết hợp với du lịch mạo hiểm, du lịch thể thao, nhất là đối với những khu vực có cảnh quan đẹp, điều kiện tự nhiên hoang sơ, hiểm trở, hấp dẫn du khách. Nhiều khách du lịch sinh thái sẵn lòng chi tiêu những số tiền lớn để ngắm nhìn các tài nguyên thiên nhiên độc đáo và có những trải nghiệm bất ngờ [20]. Do đó, trên thế giới hiện nay có một số loại hình du lịch sinh thái kết hợp du lịch mạo hiểm – thể thao rất thịnh hành:

a) *Leo núi (Hiking) – Phù hợp với những khu vực có núi cao hay vực sâu hiểm trở.*

Là một hình thức đi bộ với chủ định chính là khám phá và thưởng thức cảnh vật. Thường thì hoạt động này được thực hiện ở các con đường mòn trong vùng nông thôn hay khu vực rừng núi hoang dã.

Nhiều nơi có cảnh đẹp chỉ có thể đi tới đó bằng cách đi bộ, và những người nhiệt tâm xem đây là cách tốt nhất để ngắm cảnh thiên nhiên. Đi bộ là cách du ngoạn tốt hơn so với bằng các loại xe vì cảm nhận của người đi không bị những thứ khác xâm nhập làm phân tâm, thí dụ như cửa kính xe, tiếng máy xe, bụi và hành khách đi

chung xe. Đi bộ trên những khoảng đường dài hoặc trên những địa hình khó khăn đòi hỏi một số cấp độ hiểu biết và năng lực cơ thể [13].

b) *Đi bộ (Trekking/backpacking) – Phù hợp với mọi địa hình, đặc biệt là vùng núi.*

Đi bộ đường dài là một sự kết hợp giữa leo núi và cắm trại. Thường người ta đi bộ ở những vùng thưa người, có nhiều cảnh đẹp và ngủ đêm lại đó, hành lý mang theo chủ yếu để thỏa mãn nhu cầu ăn và ngủ.

Để chuẩn bị cho chuyến đi, người ta cho tất cả vào một túi xách bao gồm thức ăn, nước và lều. Một chuyến đi như vậy phải có ít nhất một đêm ngủ lại trong rừng. Có những chuyến đi chỉ kéo dài trong vài ngày (1 hoặc 2 đêm ngủ lại) nhưng cũng có những chuyến đi kéo dài trong vài tuần, thậm chí là vài tháng; những chuyến đi như thế tất nhiên sẽ nhận được sự viện trợ về lương thực và thuốc men [13].

Việc dựng lều trại trong trường hợp này đơn giản hơn rất nhiều so với thông thường. Đối với những người đã có kinh nghiệm thì lều trại thường kèm theo lửa, bản tin nhỏ bằng gỗ với một bản đồ và những lưu ý hay các ký hiệu về thông tin cần thiết. Có một điều nên biết rằng, những vùng đất trống, là những nơi mà không có các bụi rậm hoặc cây tầng thấp nhiều hơn số lều mà mọi người dựng lên. Vì vậy, cắm lều ở những vùng hoàn toàn biệt lập là điều không thể tránh khỏi, và mọi người phải tự chọn cho mình vùng thích hợp nhất để dựng trại [13].

c) *Chèo xuồng kayak (Kayaking) – Phù hợp với vùng nhiều thác ghềnh không quá dốc, có nhiều dòng nước.*

Kayaking là một hình thức di chuyển trên mặt nước bằng cách chèo xuồng kayak. Chèo xuồng kayak có một vài điểm khác với chèo xuồng thông thường, bởi vì xuồng kayak thì có một cái buồng lái đóng, còn xuồng bình thường thì có một buồng lái mở. Tuy nhiên, cả hai loại đều sử dụng loại mái chèo 2 đầu để hoạt động.

Kayak được phân loại bởi ý định sử dụng chúng. Có 5 sự phân loại chính: vượt thác, vượt sóng, đi thám hiểm, những chuyến đi nhanh và nhẹ nhàng, và đi giải trí thông thường. Từ những hình thức chính đó, người ta phân ra thành nhiều loại nhỏ nữa. Ví dụ, đi câu cá bằng xuồng kayak là một hình thức đơn giản của đi giải trí đơn

thuần, và chiếc xuồng sẽ được trang bị thêm những đồ phụ tùng và sửa lại cho phù hợp với việc câu cá [13].

d) *Đạp xe (Bicycling) – Phù hợp với mọi dạng địa hình, đặc biệt đường nhiều đèo, khúc cua và ít phương tiện cơ giới đi lại.*

Du lịch bằng xe đạp là một hoạt động du lịch đi theo đoàn, thường là đi để thám hiểm hoặc ngắm cảnh bằng xe đạp. Du lịch bằng xe đạp giống như một cuộc đi du lịch ba lô trên xe đạp vậy.

Khoảng cách của các chuyến đi hoàn toàn không giống nhau, tùy thuộc vào sự phù hợp của mỗi người, tốc độ đi và số điểm dừng, người lái thường đi được khoảng từ 50 – 150 km/ngày. Một chuyến đi ngắn cỡ vài ngày có thể đi được khoảng 200km còn xa hơn thì có thể đi trong phạm vi một nước hay vòng quanh thế giới [13].

Những chuyến đi du lịch xa cần phải được chuẩn bị tốt, đặc biệt xe đạp phải có khả năng chở được những hành lý nặng. Mặc dù có rất nhiều loại xe đạp khác nhau để sử dụng, song loại xe đạp thích hợp nhất phải là loại chở được vật nặng và làm cho ta cảm thấy thoải mái khi di chuyển trong một thời gian dài [13].

e) *Lặn biển (Scuba diving) – Phù hợp với các vùng thềm lục địa nông, nơi có dải san hô và hệ động vật biển phong phú, không có các loài cá dữ.*

Lặn biển là một hoạt động bơi lặn diễn ra dưới lòng nước và sử dụng các dụng cụ thở cá nhân chuyên dụng. Bằng cách mang theo một bình khí gas (thường là khí nén), người lặn có thể ở dưới nước một thời gian dài với kỹ thuật duy trì sự hô hấp đơn giản là sử dụng ống thở và sự tự do bơi lặn dưới nước mà không bị gây cản trở vì đã được cung cấp đủ nguồn khí. Người lặn di chuyển dưới nước thường là sử dụng đuôi cá gắn ở bàn chân, đôi khi cũng có sự trợ giúp của bộ truyền động, thường gọi là “scooter” [13].

1.2. Hiện trạng các loại hình du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm ở Việt Nam

1.2.1. Khái quát về du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm ở Việt Nam

Theo Du lịch sinh thái (Ecotourism) của Lê Huy Bá năm 2001, một số loại hình du lịch sinh thái phổ biến ở Việt Nam là:

- Du lịch dã ngoại, tham quan, giải trí, nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng.

- Du lịch hội thảo, hội nghị
- Du lịch tìm hiểu, nghiên cứu theo chuyên đề sinh thái, lịch sử, khảo cổ, văn hóa
- Du lịch về thăm chiến trường xưa
- Du lịch sinh thái rạn san hô ...[1].

Du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm là một hướng được phát triển gần đây. Thực tế cho thấy thiên nhiên, địa hình đất Việt rất phù hợp với du lịch mạo hiểm, điển hình là các bộ môn đi bộ (trekking), leo núi (hiking), đua ô tô, mô tô, xe đạp, lặn biển, bè mảng, đua thuyền, lướt ván, nhảy dù...

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến 2010 đã xác định du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm là lĩnh vực đặc thù, cần chú trọng. Cụ thể, từ Hà Giang đến Hà Tĩnh có một số không gian để phát triển tốt du lịch sinh thái kết hợp du lịch mạo hiểm như Sapa, Phan Xi Păng, dãy Hoàng Liên Sơn, Vườn Quốc gia Ba Bể, ATK... nhờ địa thế hiểm trở, hoang sơ kết hợp yếu tố văn hóa [32].

Dấu ấn đậm nhất về du lịch thể thao mạo hiểm ở Việt Nam là sự có mặt của chương trình du lịch thể thao mạo hiểm mang tên "Raid Gauloises" vào năm 2002, trong đó 800 khách du lịch quốc tế, đến từ 17 quốc gia tham gia chuyến đi kéo dài 14 ngày, tại 9 tỉnh vùng núi Đông Bắc Việt Nam. Từ đi bộ băng rừng, leo núi, vượt thác, đi bè mảng, thuyền nan trên suối, xe đạp đồ đèo, thuyền kayak trên biển... họ đều tham gia. Ý nghĩa về quảng bá, xúc tiến cũng như thành công về kinh tế là điều đáng ghi nhận từ chương trình [8], [13].

Tiếp theo, năm 2004 và 2006, Saigontourist phối hợp với câu lạc bộ thuyền buồm Hongkong và hãng Goodman Marine International tổ chức 2 cuộc đua thuyền buồm từ Hongkong đến Nha Trang, với hơn 200 khách mỗi cuộc đua.

Các tuyến du lịch mạo hiểm có tiềm năng ở nước ta rất đa dạng và trải dài khắp cả nước:

- Tuyến đường từ Đà Nẵng lên Kon Tum, từ Đà Lạt về Phan Rang, đèo Prenn, tuyến đường số 4 từ Cao Bằng đến Hà Giang, 2 tuyến tại Hà Giang (từ Thị xã Hà Giang lên Đồng Văn, từ Bắc Quang đến Hoàng Su Phì sang Xín Mần), tuyến vòng cung Tây Bắc từ Hoà Bình qua Sơn La lên Điện Biên, Lai Châu sang Sa Pa (Lào Cai)

và từ thị xã Lào Cai đến Bắc Hà có cảnh quan thiên nhiên ngoạn mục, rất hợp để tổ chức du lịch mô tô, ô tô, xe đạp [8].

- Đỉnh Phan Xi Păng, đỉnh Mã Pì Lèng (Mèo Vạc, Hà Giang); dãy Lang Biang (Đà Lạt), đỉnh Bạch Mã, vách núi hòn Phụ Tử ở Hà Tiên: nơi lý tưởng để tổ chức các hoạt động du lịch leo núi [8].

- Thác nước đẹp, hùng vĩ, hợp loại hình du lịch vượt thác đầy mạo hiểm như thác Đầu Đẳng (hồ Ba Bể); Dray Sap, Dray Nu, Dam Bri ở Tây Nguyên; Bản Giốc (Cao Bằng)... [8]

- Bờ biển dài; bãi biển và đảo đẹp thơ mộng như Cát Bà, Cù Lao Chàm, Phú Quốc, Côn Đảo, các đảo trong vịnh Hạ Long, Bái Tử Long... có thể tổ chức lặn biển, đua thuyền kayak, thuyền buồm, lướt ván, dù bay trên biển... [8]

- Hệ thống sông, hồ, như hồ Ba Bể, Hoà Bình, Thác Bà, Núi Cốc và hệ thống sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Lô, sông Hương, Cửu Long... phù hợp để du lịch mạo hiểm dưới nước [8].

Đi bộ Trekking là loại hình du lịch mạo hiểm kết hợp du lịch sinh thái phổ biến nhất ở VN hiện nay. Du lịch trekking thường được tổ chức theo hình thức “homestay” tại gia đình của người dân bản địa. Chính vì thế mà du khách sẽ được hưởng trọn vẹn cảm giác "về với thiên nhiên" với đầy đủ bản ngã văn hóa của mình. Hình thức kết hợp này có thể thấy rõ tại Khu Du lịch Bản Lác, Hoà Bình hay khu người Mường sinh sống trong vùng đệm của Vườn Quốc gia Cúc Phương, Ninh Bình.



Hình 1.1: Du khách tham gia Canoying



Hình 1.2: Du khách hứng thú với trekking
(ảnh chụp ở Bản Lác, Hòa Bình)

1.2.2. Các hình thức du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm tại các khu mỏ đã khai thác xong, đã hoàn thổ phục hồi môi trường trên thế giới và ở Việt Nam

Hình thức du lịch này đã được thế giới phát triển trong một thời gian dài với việc sử dụng các khu mỏ đã ngừng khai thác, đầu tư phát triển thành các khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng phòng hộ đặc biệt hay việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành các khu vui chơi – giải trí, sân golf và các mục đích sinh lợi lớn khác thay vì chỉ tiến hành HTPHMT và cải tạo san gạt địa hình, trồng cây xanh. Dưới đây là một số mô hình đã xây dựng thành công trên thế giới.

Trên thế giới:

a) Tại Malaysia

Malaysia là một quốc gia có tiềm năng về khoáng sản, một số loại khoáng sản chủ yếu ở quốc gia này là bôxít, than, fenspat, vàng, inmenhit, sắt, cao lanh, mica, monazit, khí thiên nhiên, dầu, cát sỏi, thiếc và kẽm.

Malaysia là một trong số các quốc gia thực hiện công tác hoàn thổ phục hồi môi trường tốt nhất thế giới. Nhiều công trình đã và đang được xây dựng trên các mỏ thiếc đã ngừng khai thác, nay đã và đang trở thành các khu bảo tồn thiên nhiên, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí hoặc khu thương mại sầm uất như:

- Khu bảo tồn Clearwater Sanctuary Golf Resort gần Ipoh có diện tích khoảng 320 ha, trước đây là một mỏ thiếc đã ngừng hoạt động từ cuối những năm 1970 [22].

- Khu bảo tồn Paya Indah Wetland Sanctuary có diện tích khoảng 3200 ha, gồm 2200 ha rừng ngập mặn và 1000 ha trước đây là mỏ thiếc đã ngừng khai thác từ năm 1997 [22].

- Khu thương mại Sunway có diện tích khoảng 300 ha, cách Kuala Lumpur 20 km về phía Nam. Đây vốn là mỏ thiếc đã ngừng khai thác từ những năm 1980 [41].

Một thành quả mơ ước của người dân Malaysia không thể không kể tới đó là thành phố Putrajaya, cách thủ đô Kuala Lumpur 25 km. Chính phủ Malaysia đã mua lại khu mỏ thiếc bỏ hoang và một phần đất canh tác của người dân, tổ chức thi tuyển thiết kế quy hoạch. Chính phủ bỏ vốn đầu tư các cơ sở hạ tầng chính: các công trình tôn giáo, văn hóa, giáo dục, xây dựng trước các trụ sở của chính phủ, ngoại giao đoàn, các viện nghiên cứu, trường đại học. Phần còn lại đem bán đấu giá từng lô đất, kêu gọi các tập đoàn trong nước, nước ngoài tham gia. Khi hàng loạt các công ty đã đặt văn phòng tại đây cũng là lúc các khu dân cư với từng căn hộ liền kề, chung cư cao tầng được xây dựng với nguồn vốn từ cổ phiếu của người dân. Từ đó, Chính phủ thu được một khoản lợi nhuận không nhỏ để tái đầu tư vào cảnh quan môi trường và an ninh xã hội [44], [45].

Hơn 40% diện tích đất của thành phố được dành cho công viên, vườn bách thảo, những mỏ thiếc cũ nối liền với nhau được tận dụng để tạo ra một quần thể hồ nhân tạo như một dạng hồ Hoàn Kiếm, hồ Tây ở Hà Nội. 400ha hồ nhân tạo trong lòng thành phố kết hợp với đồi núi chung quanh và hệ thống giao thông hoàn chỉnh tạo cho bộ mặt của Putrajaya trông như Đà Lạt hay Hà Nội ở Việt Nam nhưng thơ mộng và hoành tráng hơn.

Trên đây là một số mô hình phát triển khu du lịch sinh thái – du lịch nghỉ dưỡng và thậm chí đã có thành phố được hình thành từ các khu mỏ thiếc bỏ hoang ở Malaysia.

b) Tại Đức

Các hồ khai thác mỏ hoặc được hoàn thổ bằng phương pháp đổ bãi thải trong hoặc được cải tạo thành hồ chứa nước, hệ thống các hồ nước liên hoàn. Bờ mỏ được gia cố và trồng cây, vừa tạo khu dự trữ nước vừa tạo cảnh quan. Tại các vùng khai thác than nâu đã dùng khai thác ở Cộng hòa Dân chủ Đức (cũ), các mỏ than nâu được hoàn thổ, cải tạo và phục hồi nhằm tái sử dụng đất đã hoàn thổ cho các cơ sở công nghiệp mới, thậm chí biến thành bảo tàng vùng than với các thiết bị khai thác cũ để lại thu hút khách du lịch [23].

c) Tại Australia

Mỏ vàng Junction Reefs đã kết hợp việc tăng cường đa dạng sinh học khu vực ở cấp độ lưu vực vào chiến lược phục hồi công trường.

Vùng cho thuê để khai thác mỏ Junction Reefs bị phân chia bởi một khe núi đá. Khe núi này là nơi nâng đỡ một dải liên tục thảm thực vật còn sót lại sau khi khai thác mỏ. Một chương trình khôi phục mỏ đã được thực hiện. Qua đó, một khu bảo tồn lớn đã được hình thành. Khu bảo tồn này được bao quanh bởi một khu đất nông nghiệp đã bị thoái hoá. Nó bao gồm 42 hecta đất bị tác động bởi việc khai mỏ và 50 héc ta thảm thực vật còn sót lại. Việc khôi phục khu vực mỏ được thực hiện dựa trên sự tư vấn của cộng đồng địa phương để nâng cao các giá trị đa dạng sinh học không những dọc theo khe núi đá mà còn cho cả lưu vực liên kề. Trước khi khai thác, khu vực này hầu hết là đất nông nghiệp đã bị thoái hoá. Thông qua việc phục hồi sau khai thác, Mỏ vàng Junction Reefs đã phối hợp với Tập đoàn Chăm sóc đất Đá vôi Walli phục hồi thảm thực vật và loại bỏ các cây thực vật ngoại lai tại khu vực này, phục hồi tốt hai bên bờ sông trong khu mỏ.

Sự kết hợp của mỏ Junction Reefs với chính quyền địa phương, với cộng đồng và các đơn vị khác đã có kết quả thật ấn tượng. Công tác quản lý lưu vực quy mô lớn, kết hợp với việc tái lập các bờ sông và thảm thực vật bản địa gắn với chúng, đã hoàn chỉnh việc phục hồi của mỏ. Việc nâng cao tổng thể các giá trị đa dạng sinh học trong vùng đã làm cho Dự án Chăm sóc sông Junction Reefs được Giải Vàng Chăm sóc sông của chính quyền New South Wales năm 1998.

Tại Việt Nam

Tại Việt Nam, xu hướng mới là cải tạo, hoàn thổ phục hồi môi trường các vùng khai thác khoáng sản và kết hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội vốn có để phát triển du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm. Đặc biệt là các khu mỏ tại vùng núi và trung du phía Bắc, nơi có cảnh quan đẹp, địa hình Kaster điển hình với những đỉnh núi cao, vực sâu hiểm trở và hệ thống sông suối dày đặc.

Hiện nay đã có một số mô hình hoàn thổ phục hồi môi trường tốt tại các vùng khai thác khoáng sản và kết hợp với các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, môi trường để triển khai xây dựng du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm. Phần dưới đây giới thiệu về các mô hình này.

1. Khu du lịch sinh thái Cửa Hội

Khu Du lịch sinh thái Cửa Hội có vị trí giao thông thuận tiện: nằm ở điểm giao nhau giữa trục đường Vinh - Cửa Hội và đường Bình Minh thị xã Cửa Lò nối với đường ven Sông Lam kề cảng cá Cửa Hội, cách trung tâm du lịch Cửa Lò 5km về phía nam, cách TP Vinh 15km về phía tây



Hình 1.3: Sơ đồ vị trí khu DLST Cửa Hội

Khu du lịch sinh thái Cửa Hội nằm trong khuôn viên rộng hơn 4ha với đường bờ biển dài 500m, trước đây diện tích này là khu khai thác titan sa khoáng ven biển. Khai thác khoáng sản đưa lại doanh thu lớn cho Xí nghiệp, nhưng lại tác động tiêu cực đến môi trường biển [22], [24], [36].

Để giảm thiểu tác động đến môi trường, trong quá trình khai thác, xí nghiệp đồng thời bảo vệ và trồng mới diện tích rừng cây phòng hộ ven biển. Màu xanh phủ dần trên bãi bồi hoang hoá ven biển Cửa Hội, với diện tích hiện có trải rộng hơn 31ha. Từ chỗ chỉ có 2000 cây phi lao, đến năm 2001 Xí nghiệp đã trồng được trên 2 vạn cây. Năm 2008, 1 vạn cây nữa được trồng mới trên 2ha đất bãi bồi, tạo nên vành đai phòng hộ quan trọng phía nam Thị xã du lịch Cửa Lò [36].

Khu du lịch sinh thái Cửa Hội là sự kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên một bên là biển, một bên là lạch Cửa Hội, cuối sông Lam đổ ra biển, nằm dưới rừng cây phi lao – đã được xí nghiệp trồng phục vụ hoàn thổ phục hồi môi trường trong một thời gian dài. Khu du lịch sinh thái gồm bãi tắm, hệ thống nhà sàn kiểu Thái, nhà hàng, nhà nghỉ... được bố trí thông thoáng trên diện tích 10 ha rừng cây và ao đầm [36].

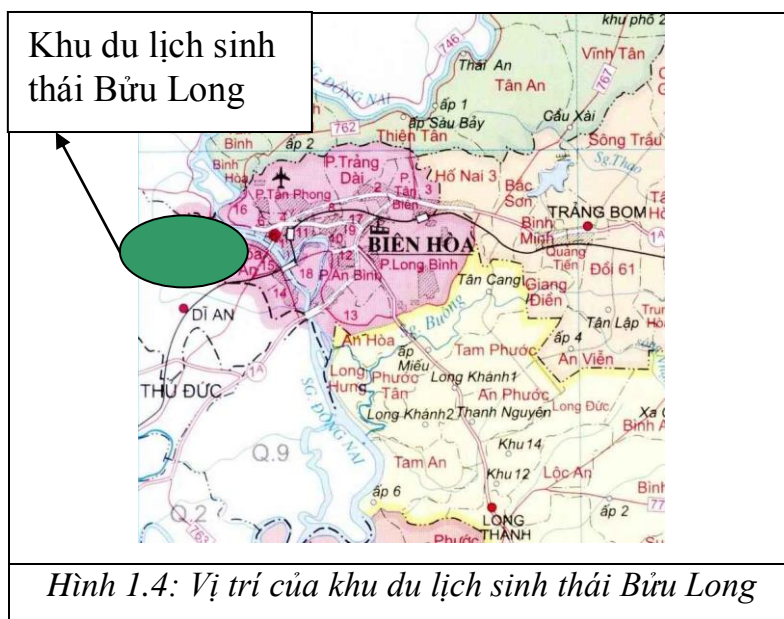
Đến với khu du lịch sinh thái Cửa Hội, du khách không chỉ được đắm mình vào làn nước trong mát, tiến hành các hoạt động nghỉ dưỡng hay tổ chức sinh nhật, hội thảo... mà còn được tham gia các hoạt động vì môi trường xanh như tham quan khu chế tác sản phẩm mỹ nghệ hay đồ lưu niệm bằng vỏ sò, vỏ ốc và các sản phẩm thải từ nuôi trồng thủy hải sản hoặc du khách có thể được hướng dẫn để tự tay mình tạo ra các sản phẩm lưu niệm đẹp cho người thân và cho mình

Năm 2008, số lượng sản phẩm lưu niệm của xí nghiệp là 25000 sản phẩm, được du khách ưu chuộng; doanh thu từ hoạt động sản xuất các mặt hàng lưu niệm của Xí nghiệp ước đạt 170 triệu đồng, hơn 30% nguồn nguyên liệu được khai thác tại chỗ đã góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các bãi biển của tỉnh [36].

Khu du lịch sinh thái Cửa Hội là một điển hình ở miền Trung về công tác cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai thác khoáng sản, không chỉ hạn chế được tác động xấu tới môi trường biển mà còn tạo thêm công ăn việc làm cho lao động địa phương và quảng bá loại hình du lịch sinh thái tới du khách trong và ngoài nước.

2. Khu du lịch sinh thái Bửu Long – Đồng Nai

Bửu Long là một thắng cảnh có một không hai ở miền Đông Nam Bộ; năm 1990, khu du lịch Bửu Long đã được Bộ Văn hóa công nhận danh thắng quốc gia. Khu du lịch Bửu Long được xây dựng quanh một **hồ nước nhân tạo do khai thác đá** (Trong khu vực Đông Nam Bộ, mỏ đá thường được khai thác âm xuống so với mặt đất chứ không khai thác đá như ở miền Bắc, mỏ đá khai thác trong hàng trăm năm nên tạo ra lòng mỏ rộng lớn). Đó là hồ Long Ân, hồ rộng hàng chục héc ta. Có thể nói hồ Long Ân là một bức tranh thu nhỏ của Hạ Long. Vô số vách đá soi bóng trên mặt nước xanh tạo cho hồ vẻ đẹp hấp dẫn trong một cảnh sắc thiên nhiên mỹ lệ: núi cao, hồ rộng, hài hoà với các công trình kiến trúc nghệ thuật mang dấu ấn tôn giáo của nhiều thời đại [6], [21]. Khu du lịch sinh thái Bửu Long nằm cách trung tâm thành phố Biên Hòa 6 km, cách thành phố Hồ Chí Minh 25 km.



Đến Bửu Long, du khách sẽ được lên những ốc đảo cao 35 m nằm giữa lòng hồ, nơi quần tụ của hàng chục loài chim quý hiếm, du ngoạn trên mặt hồ bằng tàu thủy, hoặc thuyền đập nước Thiên Nga, tham quan con rồng đá phun nước khổng lồ, các tiểu cảnh nàng tiên cá, nhà rông... của công viên Khủng Long khánh thành từ tháng 2 năm 1995. Cảnh hồ là hai ngọn núi thấp, trên núi Bửu Long có ngôi chùa cổ Bửu Phong nổi tiếng nằm thấp thoáng sau cây bồ đề lớn; có hang đá Long Sơn Thạch Động hình dạng giống hàm ếch với nhiều nhũ đá rủ xuống đầy vẻ huyền bí. Đây là kết quả hết sức ấn tượng của việc sử dụng khu vực khai thác đá đã lâu đời của khu Đông Nam Bộ vào mục đích xây dựng và phát triển du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm [21], [35].

Tour du lịch sinh thái tại công viên Bửu Long là một loại hình được ưa chuộng của du khách trong và ngoài nước. Sau khi tham quan thắng cảnh hồ, du khách có thể leo núi ngắm cảnh chùa, sau đó tham gia các hoạt động vui chơi trên mặt nước. Du khách có thể kết hợp du lịch thiên nhiên với thăm làng bưởi Tân Triều nổi tiếng, tham quan nghề đục đẽo đá truyền thống mang dấu ấn nghệ thuật điêu khắc cuối thế kỷ 17 thuộc miền Lương Quảng, Trung Hoa của một cộng đồng nhỏ người Hoa sống gần hồ [35].

Hoạt động tham quan các làng nghề ven khu du lịch Bửu Long khiến cho du khách cảm thấy thích thú và hòa mình vào đời sống sinh hoạt đời thường của người dân nơi đây. Đặc biệt, du khách được biết đến làng nghề đá đã tồn tại gần 300 năm nay – làng nghề đá Bửu Long [35].

Khu du lịch sinh thái hồ Bửu Long là một điển hình cải tạo phục hồi môi trường cho mỏ đá khai thác miền Nam (ở đây thường khai thác đá xuống dưới cốt âm tạo thành các hố sâu). Với những hố sâu và diện tích trải dài như vậy thì việc hoàn thổ đổ đất trả lại mặt bằng ban đầu là rất khó khăn, cả về tài chính và mức độ khả thi. Tận dụng lợi thế sẵn có về cảnh quan và tài nguyên du lịch cộng đồng, khu du lịch sinh thái Bửu Long đã được hình thành và phát triển, mang lại sự tăng trưởng kinh tế lớn hơn

rất nhiều so với việc hoàn thổ trả lại hiện trạng ban đầu và phù hợp với các yêu cầu pháp lý về cải tạo và phục hồi môi trường hiện hành [6].

3. Khu du lịch sinh thái Thanh Nhàn

Khu du lịch sinh thái Thanh Nhàn thuộc xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, được đầu tư xây dựng trên phạm vi mỏ Pyrit Giáp Lai cũ, vị trí khu vực này là khai trường 3 của mỏ pyrit – xí nghiệp pyrit Giáp Lai cũ. Trước đây mỏ đã tiến hành một số hoạt động cần thiết để đóng cửa mỏ năm 2002 tuy nhiên những moong khai thác quặng Pyrit đã bị ngập nước và chưa được tiến hành hoàn thổ phục hồi môi trường [22]. Từ đó tới năm 2009, khu vực khai trường này vẫn chưa được cải tạo và sử dụng cho mục đích khác.

Theo Sở Công thương tỉnh Phú Thọ, ngày 05/11/2009, tại xã Giáp Lai huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ, Công ty Cổ phần Thanh Nhàn đã tổ chức công bố Đồ án quy hoạch và triển khai công tác thi công giai đoạn I - Khu Du lịch sinh thái Thanh Nhàn. Công ty Cổ phần Thanh Nhàn đã tận dụng triệt để cảnh quan thoáng đãng và diện tích mặt hồ rộng (moong nước cũ) để tiến hành cải tạo, xây dựng thêm các khu chức năng, của khu du lịch sinh thái. Khu du lịch sinh thái này có tổng diện tích 23ha được chia thành 04 phân khu chức năng chính: Khu siêu thị; khu khách sạn, nhà hàng; khu vui chơi giải trí; khu biệt thự gia đình với tổng mức đầu tư trên 50 tỷ đồng. Dự kiến hết năm 2010, đây sẽ là điểm đến lý tưởng cho các nhu cầu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, nhất là vào những ngày nghỉ cuối tuần. Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng Phú Thọ là đơn vị tư vấn từ khâu lập quy hoạch chi tiết đến thiết kế kỹ thuật thi công, lập tổng dự toán cho toàn bộ công trình [34].

Tóm lại, các mô hình tổ chức du lịch sinh thái, du lịch thể thao mạo hiểm tại các khu mỏ đã ngừng khai thác, đã hoàn thổ tại Việt Nam và trên thế giới cho thấy xu hướng này đã phát triển mạnh trên thế giới và đã có một số mô hình thành công ở Việt Nam. Đây là một tiền đề rất thuận lợi để nghiên cứu và đề xuất mô hình du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền – khu mỏ có đặc trưng của vùng núi Bắc Bộ.

CHƯƠNG 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm:

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền do xí nghiệp Kẽm – Chì Chợ Điền, trực thuộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nhà nước Một thành viên Kim loại màu Thái Nguyên quản lý và khai thác. Địa điểm khu mỏ nằm tại xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Xí nghiệp bắt đầu khai thác năm 1985, tuy nhiên khu mỏ này có lịch sử khai thác rất lâu đời. Ngay từ cuối thế kỷ 18, người Trung Hoa đã bắt đầu khai thác những vỉa quặng kẽm tại mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền. Tới đầu thế kỷ 20, “Công ty khai thác mỏ và luyện kim Đông Dương” của Pháp bắt đầu khai thác với quy mô lớn. Người Pháp đã biết được trữ lượng quặng vùng này lớn nên họ đã bỏ nhiều vốn đầu tư kinh doanh, nhất là bỏ vào việc thiết lập các công trình vận tải đường goòng treo và đường sắt. Hệ thống đường sắt nhỏ và đường dốc được thiết lập nối các khu khai thác trong phạm vi mỏ với nhau tạo thành một cảnh tượng rất lạ mắt và thú vị [28].

2.1.2. Điều kiện tự nhiên

Vi trí địa lý, giao thông

Khu mỏ Kẽm chì Chợ Điền và xưởng tuyển nổi của Công ty Kim loại màu Thái Nguyên, nằm trên địa bàn xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, có tọa độ địa lý như sau:

$22^{\circ}14' - 22^{\circ}19'30''$ Vĩ độ Bắc

$105^{\circ}29' - 105^{\circ}34'30''$ Độ Kinh Đông

Diện tích toàn khu mỏ là 1640 ha, trong đó diện tích khai thác là 10 ha, bao gồm khu vực sau: Phia Khao, Mán – Suốc, Bình Chai, Lũng Hoài, Bô Luông, Lũng Cháy – Suối Teo – Khuổi Khem và Đầm Vạn – La Panh. Hầu hết các khai trường khai thác nằm ở xã Bản Thi [28]. Như vậy, khu mỏ chủ yếu tiến hành khai thác bằng phương pháp hầm lò, diện tích hiện đang khai thác chỉ chiếm 0,6 % toàn diện tích khu mỏ. Phần diện tích chưa sử dụng chủ yếu là đồi núi dạng địa hình Kaster đặc trưng và những cánh rừng nguyên sinh trải dài nối liền với khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ (Na

Rì) và khu Vườn Quốc gia Ba Bể cách mở không xa. Vị trí khu mở Kẽm – Chì Chợ Điện được thể hiện trong hình 2.1 dưới đây.



Hình 2.1: Vị trí mở Kẽm – Chì Chợ Điện, tỉnh Bắc Kạn

Vị trí của khu mở này trong vùng rất thuận lợi về giao thông, xen giữa các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia cũng như những khu di tích An toàn khu. Hiện nay, có 3 đường ô tô từ Thái Nguyên đến khu mở là: Tuyến từ Thái Nguyên – Định Hóa – Chợ Đồn – Bản Cầu – Bản Thi dài 140 km. Tuyến từ Thái Nguyên – Bắc Kạn – Chợ Đồn – Bản Cầu – Bản Thi dài 170 km. Tuyến từ Thái Nguyên – Tuyên Quang – Chiêm Hóa – Bản Cầu – Bản Thi dài 240 km. Đường giao thông tại 3 tuyến này đều trải nhựa và đi lại thuận tiện.

Điều kiện khí hậu – thủy văn

a) Khí hậu khí tượng.

Tỉnh Bắc Kạn nằm trong khu vực gió mùa và á nhiệt đới, có 2 mùa rõ rệt trong năm: mùa nóng, ẩm từ tháng 4 đến tháng 9 và mùa khô lạnh, từ tháng 10 đến tháng 3

năm sau. Các thông số khí tượng, khí hậu lâu năm ở khu vực mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền như sau:

Nhiệt độ trung bình năm trong vùng là 20,9 °C, trung bình thấp nhất là 11°C, cao nhất là 30,9 °C. Chênh lệch nhiệt độ giữa ban ngày và đêm và giữa các mùa lớn. Biên độ dao động nhiệt độ cao nhất trong năm là xấp xỉ 20 °C. Giá trị trung bình từ năm 1990 – 2010 của nhiệt độ không khí đo tại trạm Chợ Điền nêu trong bảng sau:

Bảng 2.1: Diễn biến nền nhiệt độ hàng tháng ở Chợ Điền [25]

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	TB năm
Max	17,8	18,5	21,7	25,3	29,6	30	30,9	30,6	30,0	27,2	23,4	22,7	25,6
TB	13,6	14,8	18,2	21,7	25	26	26,3	25,7	24,6	21,9	18,1	15,7	20,9
Min	11	16	16	19,2	21,9	23	23,4	22,8	21,4	18,8	14,8	12	18,2

Theo bảng 2.1, nhiệt độ trung bình nhiều năm tại khu mỏ Chợ Điền trong các tháng 1, 2, 3, 4, 11, 12 thấp hơn 20 độ C; các tháng còn lại nhiệt độ trung bình nhiều năm từ 20 độ C tới 27 độ C, thời tiết tương đối mát mẻ. Nhiệt độ trung bình năm trong vùng là 20,9 độ C cho thấy khu mỏ Chợ Điền có khí hậu mát mẻ quanh năm. Đây là yếu tố quan trọng để tiến hành các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng hay du lịch sinh thái tại khu mỏ này.

Bức xạ: tổng giờ nắng trong năm là 4.407 giờ, trung bình mỗi tháng có khoảng 367 giờ nắng. Tổng lượng bức xạ trung bình tháng là 132,7 Kcal/cm² [25]. Như vậy trung bình mỗi ngày trong tháng có tới 12 giờ nắng, tuy nhiên thời tiết rất mát mẻ thuận lợi phát triển khu nghỉ dưỡng sinh thái.

Độ ẩm không khí: huyện Chợ Điền là khu vực có độ ẩm trung bình là 85%, lúc cao nhất có thể đạt trên 90%. Càng lên cao, độ ẩm càng tăng, các khu vực có độ cao trên 700 m thường có sương mù. Ở các khu vực khai thác mỏ, sương mù thường xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau tạo nên những màn sương lớn trông giống như ở Sa Pa (Lào Cai) hay Tam Đảo (Vĩnh Phúc).

Mưa: Lượng mưa trong vùng tương đối lớn, tập trung vào mùa mưa, lượng mưa trung bình nhiều năm khoảng 1.822 mm. Lượng mưa tháng trung bình mùa khô là 21,1 mm; mùa mưa là 1.621 mm (tài liệu của trạm khí tượng Chợ Đồn).

Gió: có 2 mùa gió chính trong năm là gió Đông Bắc về mùa đông thổi từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, gió Đông Nam và gió Tây Nam thổi vào mùa hè từ tháng 4 đến tháng 9 năm sau. Tốc độ gió trung bình hàng năm là 2,2 m, tần suất lặng gió phổ biến là 20 – 35%.

b) Điều kiện thủy văn

Hệ thống sông suối vùng mỏ Chợ Đồn mang những đặc trưng của khu vực núi cao với các suối, khe nhỏ, độ dốc dòng chảy lớn, hầu hết các dòng chảy tạm thời.

Trong khu vực có 2 suối lớn là: Suối Khuổi Đuôi ở phía Bắc Phía Khao, chảy theo hướng Đông Bắc – Tây Bắc Bắc và đổ vào hồ Ba Bể; Suối Bản Thi nằm ở phía Nam và Tây khu Phía Khao, chảy theo hướng Đông Tây, đổ vào sông Gâm. Các suối còn lại trong vùng mỏ đều là các suối ngắn, tạm thời bị mất nước vào các hang hốc Kaster. Về mùa mưa, lưu lượng các suối đạt tới hàng trăm l/s; mùa khô chỉ từ 0,1 – 0,2 l/s.

Ở khu vực Phía Khao, LaPanh, Đèo An, Bình Chai phát triển các hang động Kaster có khả năng chứa nước tốt nên khu mỏ Chợ Đồn thường rất sẵn nước phục vụ sinh hoạt của người dân và cán bộ mỏ.

Đặc điểm địa hình, địa mạo

Khu mỏ Chợ Đồn nằm trên vùng địa hình núi cao thuộc dãy Sam Sao, với độ cao tuyệt đối khoảng 1.172 m, chạy dài theo hướng Đông Bắc – Tây Nam. Địa hình núi cao bị phân cắt mạnh bởi các thung lũng, khe suối hẹp, chia dải núi thành các khối đá đồ sộ. Độ chênh cao của địa hình khá lớn, cao nhất là đỉnh núi Lũng Lỳ - cao hơn 1000 m [25]. Như vậy, địa hình của khu mỏ Chợ Đồn rất hiểm trở, thích hợp để phát triển các loại hình du lịch mạo hiểm.

Phần địa hình thấp hơn là các dải có độ cao từ 200 – 250 m, phân bố dọc theo các dãy núi cao. Thành phần vật chất tạo nên dạng địa hình này là các đá phiến vôi xenxirit tuổi Silua – Devon. Các thung lũng, khe suối trong khu vực thường hẹp, phát

triển các cây bụi rậm rạp, cây lấy gỗ nhỏ, tươi tốt quanh năm. Ở các khu vực có quãng chì kềm, cây cối ít phát triển, Kaster phát triển khá điển hình ở khu vực Phía Khao, Bình Chai, Lũng Hoài, La Panh, Bo-pen Bộp, Bô Luông, đã làm cho địa hình thêm hiểm trở, vách đứng cheo leo (độ dốc trên 40^0) tạo nên phong cảnh rất hùng vĩ và điển hình cho vùng núi cao phía Bắc. Mặt khác, đường giao thông lên mỏ rất quanh co, theo hình xoắn ốc với một bên là núi đá cao dựng đứng và một bên là vực sâu. Đây là một thử thách thực sự cho du khách ưa mạo hiểm và cũng chính vì khu vực này hiểm trở như vậy nên còn giữ được nét hoang sơ, hệ động thực vật còn phong phú, ít bị khai thác quá mức bởi con người.

Địa chất thủy văn khu mỏ

Nước trong trầm tích Đệ Tứ: Trầm tích Đệ Tứ vùng mỏ chi phân bố dọc theo các khe suối, thung lũng hẹp, bề dày từ 0,2 – 2 m. Thành phần đất đá là các sản phẩm phong hóa của đá từ các sườn núi, đồi xung quanh có độ hồng lớn và dễ mất nước vào các đới chứa nước nằm dưới.

Nước thường tồn tại trong các hang hốc Kaster, các đới nứt nẻ của đứt gãy kiến tạo của hệ tầng Phía Khao. Trong đá hoa màu trắng, nước có độ khoáng hóa thấp, từ 0,28 – 0,34 g/l, loại hình nước Cacbonat – Canxi Manhê, độ pH 6,5 lưu lượng thường gặp khoảng 0,15 l/s. Trong đá hoa màu trắng xám (phân bố trên $\frac{1}{2}$ diện tích vùng mỏ) có nhiều mạch lộ, lưu lượng từ 0,1 – 1,5 l/s.

2.1.3. Điều kiện văn hóa xã hội

Huyện Chợ Đồn có diện tích 91.193 ha, hầu hết là núi cao. Diện tích đất lâm nghiệp gồm đất rừng tự nhiên và khu đất trồng là rất lớn (chiếm 77 % tổng diện tích huyện). Phân bố các loại đất trong huyện được tổng hợp trong bảng 2.2:

Bảng 2.2: Tình hình sử dụng đất huyện Chợ Đồn [25]

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	%
1	Đất gieo trồng cây công nghiệp	4.145	5
2	Đất dành cho các mục đích khác trong nông nghiệp	2.742	3
3	Đất lâm nghiệp (27,255 ha rừng tự nhiên và 42,670 ha đất trồng trồng đồi trọc)	69.920	77
4	Đất thổ cư	13.953	15

Xã Bản Thi có diện tích rừng tự nhiên là 6.543 ha, đồi trọc là 60 ha và đất nông nghiệp là 20 ha. Hầu hết diện tích khu mỏ kẽm chì Chợ Đồn ở xã Bản Thi nằm trong vùng đất trồng đồi trọc hoặc rừng núi, còn một phần khu mỏ nằm ở 2 xã Quảng Bạch và Đồng Lạc.

Tổng dân số của huyện Chợ Đồn là 49.296 người gồm 7.898 hộ, tập trung ở các thị trấn, thị tứ, các thung lũng lớn và dọc các đường giao thông. Mật độ dân số toàn huyện là 50 người/km². Số người trong độ tuổi lao động khoảng 22.711 người, chiếm gần 50 % dân số. Xã Bản Thi có dân số là 1.901 người, gồm dân tộc, sống ở 10 thôn bản. Các dân tộc Kinh, Dao, Tày có số dân đông hơn cả. Mật độ dân cư xã Bản Thi là 5 người/km². Ngoài số dân địa phương, hiện tại đây còn có khoảng 700 cán bộ, công nhân và gia đình thuộc các xí nghiệp khai thác kẽm chì của công ty kim loại màu Thái Nguyên.

Về Kinh tế:

Huyện Chợ Đồn có 2 ngành kinh tế chính là sản xuất nông nghiệp và khai thác lâm, thổ sản, khoáng sản. Ngoài ra, ở thị trấn Bằng Lũng có một số hộ buôn bán và tổ hợp tác công nghiệp nhỏ, lẻ. Xí nghiệp Kẽm Chì Chợ Đồn là cơ sở công nghiệp lớn nhất huyện. Thu nhập bình quân đầu người trên toàn huyện khoảng 100 USD/năm. Tỷ lệ các hộ giàu 2,9 %, số hộ nghèo khoảng 22,4 % [25].

Về Điều kiện cơ sở hạ tầng:

Huyện Chợ Đồn có mạng lưới giao thông khá phát triển với hàng trăm km đường nhựa. Đến nay, các phương tiện xe, máy đã có thể đến được tất cả các xã và thị trấn trong huyện.

Thị trấn Bằng Lũng là huyện lỵ - trung tâm kinh tế, văn hóa của huyện, có hệ thống đường giao thông thuận lợi nối liền với các huyện trong tỉnh và các tỉnh lân cận như Tuyên Quang, Thái Nguyên... nên có điều kiện tốt cho phát triển kinh tế và tiếp thu nhanh các thông tin văn hóa – xã hội từ các vùng trung tâm. Hệ thống điện của nguồn điện quốc gia và các trạm thủy điện nhỏ đã đến được với các xã trong huyện.

Nước sinh hoạt của khu vực chủ yếu lấy từ các nguồn nước tự nhiên (khe, suối) do dân tự khai thác, chưa được sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức khác [25].

2.2. Phương pháp luận:

Trong phạm vi luận văn, phương pháp luận là :Tiếp cận lý thuyết sinh thái học nhân văn, lý thuyết hệ thống và phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch theo từng dạng tài nguyên.

2.2.1. Lý thuyết sinh thái học nhân văn [4]

Sinh thái nhân văn (Human Ecology) là khoa học nghiên cứu tác động tương hỗ giữa con người với môi trường tự nhiên mà ngày nay đã trở thành tâm điểm của khoa học sinh thái. Mục đích của nghiên cứu sinh thái nhân văn là tìm hiểu và nhận biết các đặc điểm và các mối quan hệ qua lại giữa các hệ thống này với nhau và sự hình thành những hình thái đặc trưng trong hệ thống xã hội và hệ sinh thái.

Mô hình hiện đại về sinh thái nhân văn là dựa trên nguyên tắc quan hệ có hệ thống giữa xã hội loài người (hệ xã hội) và môi trường thiên nhiên (hệ sinh thái) làm thành hệ thống thống nhất – hệ thống sinh thái nhân văn. Vì vậy, sinh thái nhân văn đề cập đến mối quan hệ giữa con người và môi trường ở mức độ hệ thống và tập trung vào 3 vấn đề sau:

1. Các dòng năng lượng, vật chất và thông tin chuyển tự hệ sinh thái đến hệ xã hội và từ hệ xã hội đến hệ sinh thái là gì?
2. Hệ xã hội thích nghi và phản ứng trước những thay đổi trong hệ sinh thái như thế nào?

3. Những hoạt động của con người đã gây nên những tác động gì đối với hệ sinh thái?

2.2.2. Lý thuyết hệ thống [4]

Hệ thống là một tổ chức có nhiều bộ phận liên hệ với nhau trong không gian và thời gian, chúng cùng hoạt động theo những cách thức nhất định để tạo ra những kết quả nhất định. Thường thì hệ thống bao giờ cũng được tổ chức có thứ bậc trên dưới.

Có nhiều loại hệ thống, có những hệ thống được nhận dạng và gọi tên bằng chức năng mà chúng thực hiện như hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ thần kinh, hệ hô hấp v.v.. Các hệ thống khác như hệ thống tự nhiên và hệ thống nhân tạo (hệ thống được tạo ra bởi con người) thì thường khó nhận dạng và xác định mục đích cũng như chức năng. Ranh giới của các hệ tự nhiên thường không rõ ràng, như ranh giới của các hệ sinh thái, thường rất phức tạp và không cụ thể. Con người còn sáng tạo ra những hệ thống trừu tượng, thường đó là những hệ thống tượng trưng. Ví dụ, các hệ thống trong toán học, hệ thống họ hàng huyết thống, hệ thống văn tự, hệ thống xã hội v.v.. Đây là những hệ thống mà ta áp đặt cho tự nhiên để có thể bàn bạc và suy nghĩ về tự nhiên, không phải bao giờ chúng cũng tương ứng một cách chính xác với những gì tồn tại trong tự nhiên.

Trừ vũ trụ ra hay những hệ thống tượng trưng như toán học còn thì các hệ thống trong tự nhiên như các hệ sinh thái đều là các hệ thống mở. Các dòng năng lượng, vật chất và thông tin đi qua ranh giới của hệ thống càng nhiều thì hệ thống càng mở. Những hệ thống hoàn toàn mở và hoàn toàn khép kín trong tự nhiên là rất hiếm.

Sự phản hồi có ở tất cả các kiểu hệ thống. Nó xuất hiện khi có sự thay đổi của một trong số các thành phần của hệ thống và sau đó bắt đầu một loạt các thay đổi trong các thành phần khác và cuối cùng “phản hồi” trở lại thành phần ban đầu. Có hai loại phản hồi: phản hồi tiêu cực và phản hồi tích cực.

Một đặc điểm vô cùng quan trọng của các hệ thống mở trong thiên nhiên là chúng có xu hướng tự điều chỉnh để tiến tới cân bằng làm cho các thành phần của hệ nằm trong sự tương tác hài hòa và ổn định. Sự cân bằng đó đạt được do quá trình tự điều chỉnh của các thành phần đối với các dòng năng lượng và nguyên liệu đi vào và đi

ra của hệ. Mối quan hệ giữa con người và môi trường thiên nhiên trong nghiên cứu này, xem khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền như một hệ sinh thái nhân văn đã đề cập trên đây đều dựa trên quan điểm hệ thống, chính là sự tương tác giữa hệ thống sinh thái và hệ thống xã hội.

2.2.3. Phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch theo từng dạng tài nguyên [11].

Tài nguyên du lịch tự nhiên

Đối với tài nguyên du lịch tự nhiên, các dạng tài nguyên địa hình – địa chất, khí hậu, thủy văn, sinh vật du lịch đều đã được xác định dựa trên một số tiêu chuẩn nhất định:

Tài nguyên du lịch địa hình được đánh giá bằng sự thống kê mô tả về đặc điểm hình thái, trắc lượng hình thái của các dạng địa hình và các kiểu địa hình đặc biệt hoặc đánh giá mức độ tương phản của các kiểu địa hình (thường là dựa theo các chỉ tiêu tâm lý – thẩm mỹ).

Tài nguyên du lịch khí hậu được đánh giá bằng các chỉ số về các điều kiện thích hợp nhất với sức khỏe con người và các điều kiện thích hợp nhất với các hoạt động du lịch.

Tài nguyên du lịch thủy văn dựa vào tiêu chuẩn chất lượng nước dùng cho sinh hoạt để đánh giá mức độ sử dụng nước phục vụ cho các loại hình tắm mát, thể thao; các tiêu chí về chất lượng nước mặt, nước ngầm phù hợp cho các hoạt động du lịch diễn ra.

Tài nguyên du lịch sinh vật được đánh giá dựa vào các quy định và tiêu chuẩn đối với các vườn quốc gia, các rừng bảo tồn thiên nhiên, các rừng di tích lịch sử văn hóa, môi trường hoặc dựa vào các chỉ tiêu cụ thể phục vụ cho từng loại hình du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn

Đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn được xác định bằng việc kiểm kê, đánh giá các giá trị (số lượng, chất lượng) của từng di tích, từng loại tài nguyên sau đó mới đánh giá chung. Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm: Các di tích lịch sử - văn hóa; các lễ hội; nghề và các làng nghề thủ công truyền thống; Văn hóa nghệ thuật; Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học. Việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn nói chung thường được tiến hành theo kiểu đánh giá bằng cảm quan trên cơ sở kết quả

điều tra về số lượng cũng như chất lượng tài nguyên hoặc đánh giá thông qua điều tra về sức hấp dẫn với du khách.

Sau khi điều tra và đánh giá từng loại tài nguyên, tổng hợp các loại tài nguyên cần có nhận xét, đánh giá chung về tiềm năng, thực trạng khai thác chung của tài nguyên du lịch.

2.2.4. Vận dụng phương pháp luận vào thực tế khu vực nghiên cứu

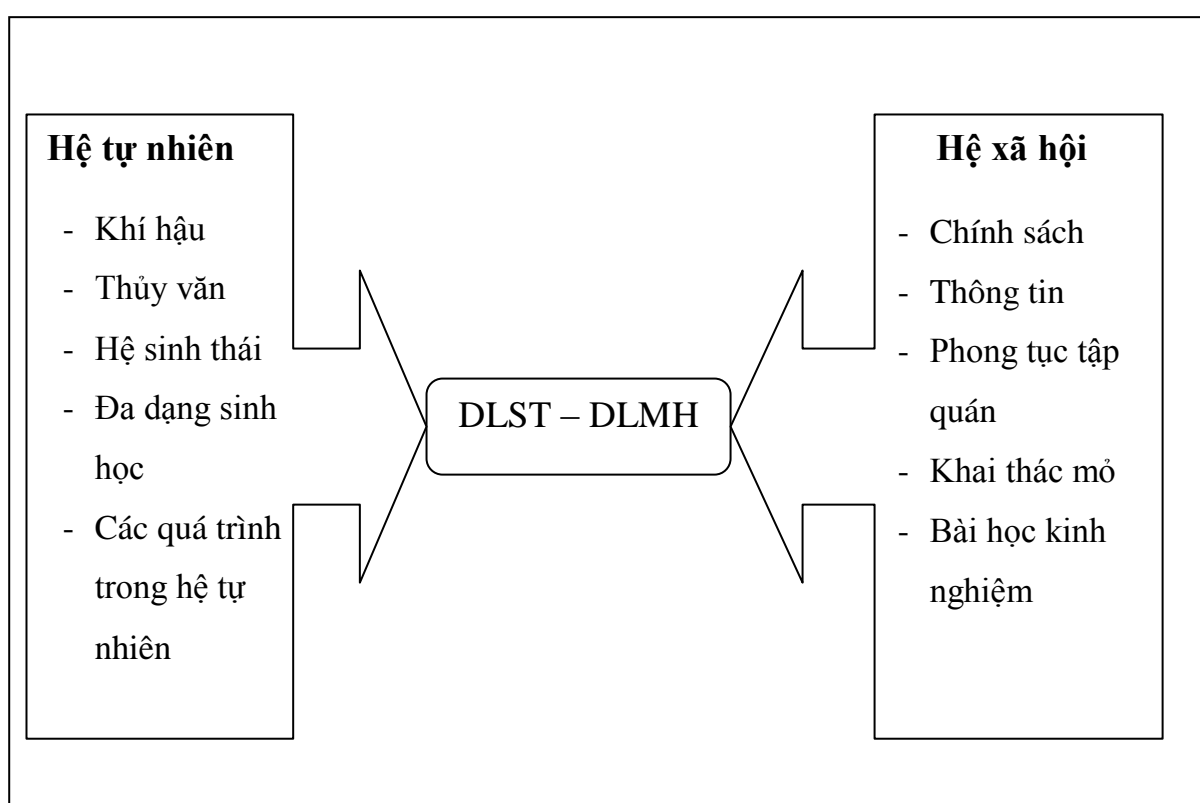
Đối tượng nghiên cứu là khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền. Hệ sinh thái nhân văn của khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền bao gồm hệ tự nhiên, hệ nhân văn và các giá trị nhân tạo do người dân nơi đây cùng công nhân, cán bộ xây dựng. Hệ tự nhiên của khu mỏ bao gồm các hệ sinh thái điển hình của khu mỏ như hệ sinh thái rừng ẩm thường xanh, hệ sinh thái núi đá và hang Kaster. Các quá trình diễn ra trong hệ tự nhiên thường là các quá trình sống của sinh vật và các quá trình chuyển hóa năng lượng bên trong khu vực này. Môi trường vật lý của hệ tự nhiên là các yếu tố cảnh quan, địa hình, thủy văn, khí tượng, khí hậu của khu mỏ - đây là những tài nguyên của du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm. Hệ nhân văn của khu mỏ Chợ Điền bao gồm: các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, các hoạt động thường ngày của cán bộ, người dân. Các công trình nhân tạo trong hệ nhân văn gồm khu khai thác mỏ của xí nghiệp, các thôn, bản làng, các công trình công cộng phục vụ cộng đồng khác.

Khi chưa có tác động từ bên ngoài vào hệ thống này thì các thành phần của hệ tự nhiên và hệ nhân văn tại khu mỏ Chợ Điền vẫn có những tương tác qua lại nhưng ở mức thấp hơn. Ví dụ: Sự trao đổi hàng hóa và nông sản của người dân với cán bộ mỏ; sự khai thác nước mặt, khai thác các yếu tố đất đai để phục vụ sinh hoạt của người dân; quá trình canh tác đất dốc vẫn diễn ra nhưng ở mức độ tự cung tự cấp. Sự tác động qua lại này tạo ra hệ quả là một số diện tích hay hệ sinh thái của khu mỏ trở thành đất canh tác nông nghiệp hay để trống, hiệu quả kinh tế không cao.

Khi có tác động từ bên ngoài vào theo hướng nhất định: đó có thể là hướng tạo ra khu du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm bằng việc sử dụng các hệ sinh thái có sẵn kết hợp với sự đầu tư từ bên ngoài kèm theo việc mang tới nhiều vật liệu xây dựng, nhiều loài thực vật bản địa để bổ sung vào thiết kế cảnh quan mới trong khu du lịch

sinh thái tương lai. Các dòng năng lượng trong hệ thống sẽ thay đổi theo chiều hướng tăng mạnh sự có mặt của các yếu tố bên ngoài. Dòng năng lượng đi vào trong hệ tự nhiên và hệ nhân văn sẽ được giữ lại phần lớn để làm thay đổi cảnh quan, địa hình và các hệ sinh thái theo hướng duy trì tính đa dạng vốn có của hệ sinh thái, và cảnh quan; thay đổi các yếu tố địa hình, địa mạo và thiết kế các khu mới, làm cho khu vực này trở nên đẹp hơn, hấp dẫn du khách và vẫn mang giá trị bảo tồn các hệ sinh thái đang tồn tại. Nói cách khác, các yếu tố tác động vào từng hệ hoặc tác động vào tổng hợp nhiều hệ theo hướng bảo tồn những cái vốn có, thêm những cái chưa có để phục vụ mục đích phát triển du lịch.

Sơ đồ tác động của các yếu tố vào Du lịch sinh thái và Du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Chợ Điền được tóm tắt dưới hình sau:



Hình 2.2: Tác động của các yếu tố vào Du lịch sinh thái và Du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thu thập tài liệu thứ cấp: Tài liệu thứ cấp là những tài liệu sẵn có hoặc số liệu thống kê ở địa phương (cả ở dạng xuất bản và không xuất bản) về các vấn đề liên quan đến nội dung nghiên cứu. Thông tin thứ cấp cung cấp cơ sở cho việc chuẩn bị nội dung công việc điều tra thực địa, giảm bớt những vấn đề đã có thông tin thay thế cho những thông tin không thu thập được vì những lý do khách quan hay chủ quan.

Những tài liệu thứ cấp thu thập để sử dụng cho luận văn bao gồm:

- Các ghi chép thực địa tại mỏ về công nghệ sản xuất, ảnh hưởng tới môi trường cảnh quan bằng cảm nhận; ảnh chụp và các tài liệu bản đồ có liên quan thu thập tại mỏ.
- Các mẫu đất, mẫu nước mặt, nước ngầm và nước thải ở mỏ cùng các kết quả quan trắc, giám sát môi trường hàng năm (năm 2007, 2008) và các tài liệu báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án khai thác và chế biến Kẽm – Chì Chợ Điền năm 2006, kết quả phân tích thực địa các mẫu trên vào 12/2009.
- Trích dẫn các Báo cáo của các chuyên gia Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ Luyện Kim, Bộ Công Thương về Hoàn thổ phục hồi môi trường:
- Sổ tay quy trình hoàn thổ phục hồi môi trường trong khai thác và chế biến khoáng sản, Tài liệu Nội Bộ, năm 2009
- Báo cáo điều tra hiện trạng và nhu cầu hoàn thổ phục hồi môi trường của các mỏ khai thác khoáng sản Việt Nam, năm 2007
- Các thông tin thu thập được ở UBND huyện Chợ Đồn và xã Bản Thi về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của khu vực mỏ, bài báo và các trang web hữu ích, các mô hình thành công trong HTPHMT tổng hợp từ các trang web nước ngoài, các báo cáo đề tài cấp Bộ Công thương. Tất cả các thông tin cụ thể về các tài liệu thứ cấp được liệt kê cụ thể ở mục Tài liệu tham khảo.

2.3.2. Phương pháp PRA

PRA (Participatory Rapid Appraisal) – Đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng được sử dụng vào những năm cuối thập niên 70, đầu thập niên 80 của thế kỷ XX. PRA là phương pháp thu thập kinh nghiệm sâu, hệ thống nhưng bán chính thức, được

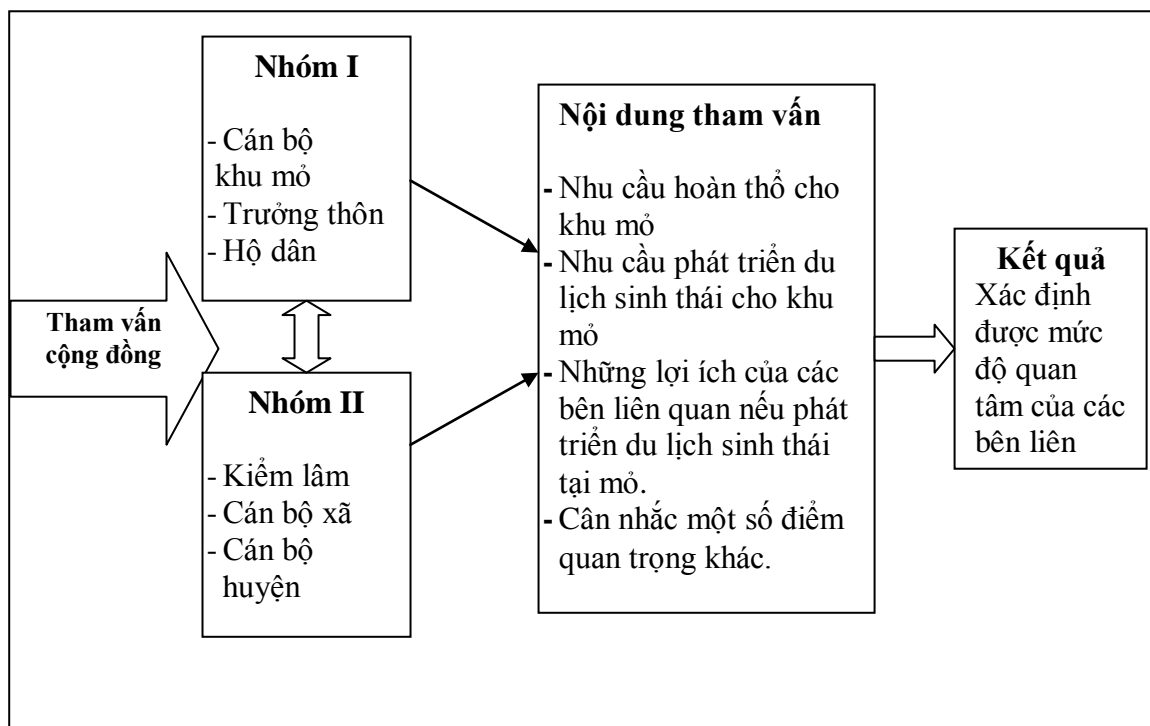
thực hiện trong cộng đồng và có sự tham gia của người dân. Phương pháp này cho phép vận dụng các tri thức khoa học của người điều tra kết hợp với tri thức của cộng đồng. Cùng với các thành viên của cộng đồng, điều tra thu thập thông tin và định lượng những cơ hội cũng như các khó khăn, nắm được tình hình và đưa ra những quyết định kịp thời cho dự án phát triển.

Quan sát trực tiếp: quan sát cảnh quan tài nguyên thiên nhiên như vị trí địa lý tự nhiên, địa hình, khí hậu, các chỉ thị sinh học, xã hội học, điều kiện hạ tầng cơ sở như điện, nước, giao thông, trường học, trạm xá, các công trình công cộng, phúc lợi, nhà cửa và tiện nghi sinh hoạt, hoạt động sản xuất của nhân dân địa phương.

Trong nội dung nghiên cứu của luận văn, tác giả đã tiến hành thực địa tại khu mỏ trong các chuyến công tác thuộc Đề tài “*Xây dựng quy trình hoàn thổ phục hồi môi trường các vùng khai thác các loại hình khoáng sản và hỗ trợ hoàn thổ phục hồi môi trường cho một đơn vị khai thác khoáng sản*”.

Phỏng vấn bán chính thức có sự tham vấn cộng đồng: là một trong những công cụ quan trọng nhất được sử dụng trong đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng, mục tiêu là để thu thập các thông tin định tính. Phỏng vấn chính thức được thực hiện nhờ một hệ thống các câu hỏi được chuẩn bị từ trước để có được những thông tin chi tiết từ người dân địa phương về những vấn đề quan tâm. Đây là cuộc phỏng vấn đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp dữ liệu cho phân tích chi phí – lợi ích và mức sống của nhân dân địa phương và xây dựng cái nhìn tổng quát về điều kiện môi trường, kinh tế, xã hội của hệ sinh thái nhân văn nghiên cứu.

Tác giả đã tiến hành phỏng vấn bán chính thức với hai nhóm khác nhau: (I) nhóm “người nội bộ” bao gồm trưởng thôn, ban quản lý xí nghiệp Chợ Điền, một số hộ dân trong khu mỏ; (II) nhóm “người ngoài” bao gồm các cán bộ kiểm lâm, cán bộ xã Bản Thi, cán bộ huyện Chợ Đồn. Từ đó thấy được mức độ ủng hộ của các bên liên quan với hướng phát triển du lịch sinh thái – du lịch mạo hiểm tại khu mỏ. Quá trình tiến hành phỏng vấn bán chính thức kết hợp tham vấn cộng đồng được tóm tắt trong hình dưới đây.




Hình 2.3: Tóm tắt quá trình tham vấn và phỏng vấn bán chính thức

2.3.3. Phương pháp phân tích SWOT

Phương pháp phân tích SWOT là một trong những phương pháp phân tích thông tin hữu hiệu nhất. Phương pháp này được sử dụng rất rộng rãi trong lĩnh vực phân tích để đưa ra quyết định phù hợp dựa trên sự cân nhắc các điểm mạnh, yếu; những cơ hội và thách thức đối với lĩnh vực nghiên cứu một cách rõ ràng, mạch lạc nhất.

Nói một cách hình ảnh, SWOT là khung lý thuyết mà dựa vào đó, chúng ta có thể xét duyệt lại các ưu thế và nhược điểm của vấn đề nghiên cứu; từ đó giúp ta thực hiện tốt hơn việc ra quyết định thực thi kế hoạch nghiên cứu. SWOT đang ngày càng được sử dụng rộng rãi trong việc nghiên cứu tiềm năng của các hoạt động kinh tế xã hội từ nhiều góc độ khác nhau như vấn đề pháp lý, kinh tế, nhân lực, vật lực và các khía cạnh khác để từ đó nhận thức rõ cơ hội và thách thức của vấn đề nghiên cứu [46]. Tóm tắt thông tin về phương pháp SWOT được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 2.4: Tóm tắt phương pháp phân tích thông tin SWOT

<p>SWOT là tập hợp viết tắt những chữ cái đầu tiên của các từ tiếng Anh:</p> <ul style="list-style-type: none">Strengths (Điểm mạnh)Weaknesses (Điểm yếu)Opportunities (Cơ hội)Threats (Nguy cơ). <p>Đây là công cụ cực kỳ hữu ích giúp chúng ta tìm hiểu vấn đề hoặc ra quyết định trong việc tổ chức, quản lý cũng như trong kinh doanh.</p>	 <p>The diagram is a 2x2 matrix with a black background. The top row is labeled 'Internal origin (attributes of the organization)'. The left column is labeled 'External origin (attributes of the environment)'. The top-left cell is green and contains a large white 'S' with the text 'Strengths' below it. The top-right cell is orange and contains a large white 'W' with the text 'Weaknesses' below it. The bottom-left cell is teal and contains a large white 'O' with the text 'Opportunities' below it. The bottom-right cell is purple and contains a large white 'T' with the text 'Threats' below it. Above the 'S' and 'W' cells, the text 'Helpful to achieving the objective' is written in white. Above the 'W' and 'T' cells, the text 'Harmful to achieving the objective' is written in white.</p>
---	---

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Hiện trạng khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền

3.1.1. Hiện trạng khu mỏ

Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền nằm ở xã Bản Thi và xã Đông Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, có tọa độ địa lý như sau:

22^o14' – 22^o19'30" Độ vĩ Bắc, 105^o29' - 105^o34'40" Kinh độ Đông

Diện tích toàn khu mỏ là 1.640 ha, trong đó diện tích khai thác là 10 ha (chỉ chiếm có 0,6 % diện tích toàn khu mỏ), bao gồm các khu vực sau: Phía Khao, Mán – Suốc, Bình Chai, Lũng Hoài, Bô Luông, Lũng Cháy – Suối Teo – Khuổi Khem và Đầm Vạn – La Panh. Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền hiện nay đang được xí nghiệp Kẽm Chì Chợ Điền khai thác tại một số điểm mỏ nhỏ rải rác trong khu mỏ. Hình thức khai thác mỏ tại đây chủ yếu là hình thức hầm lò nên ít ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên xung quanh khu khai thác [28].

3.1.2. Hiện trạng môi trường khu mỏ

Chất lượng môi trường khu mỏ là một trong những điều kiện cần phải đáp ứng để tiến hành các hoạt động du lịch tại khu mỏ. Để đánh giá mức độ ảnh hưởng tới môi trường của các loại chất thải của hoạt động công nghiệp, xí nghiệp đã tiến hành lấy mẫu định kỳ hàng năm và phân tích đối chiếu với Quy chuẩn hiện hành về môi trường. Kết quả phân tích môi trường khu mỏ được tổng hợp trong những bảng dưới đây.

a) Môi trường không khí

Bảng 3.1 : Kết quả phân tích nồng độ bụi và khí thải của khu mỏ [28]

TT	Vị trí lấy mẫu	Kết quả (mg/m ³)			
		CO	SO ₂	NO ₂	Bụi
1	Tại lò cái 1 – mỏ Bình Chai	0,66	0,20	0,10	0,19
2	Tại cửa giếng nghiêng – mỏ Bình Chai	0,76	0,22	0,11	0,20
3	Cửa lò cái 1 – mỏ Bắc Lũng Hoài	0,64	0,20	0,10	0,18

4	Cửa lò giềng nghiêng – mỏ Bắc Lũng Hoài	0,72	0,21	0,12	0,20
5	Khu vực Phía Khao	1,14	0,26	0,16	0,23
6	Tại cửa lò – mỏ Đèo An	0,68	0,20	0,10	0,20
7	Khu văn phòng – mỏ Đèo An	0,74	0,22	0,13	0,18
8	Khu vực nghiền đập – Xưởng tuyển	1,23	0,29	0,17	0,37
	Khu vực tuyển	1,17	0,27	0,15	0,31
	Khu vực đóng gói sản phẩm	0,75	0,23	0,12	0,28
	Khu văn phòng – Xưởng tuyển	0,71	0,21	0,12	0,23
	QCVN 05:2009/BTNMT	40	0,5	0,4	0,3

Ghi chú: QCVN 05:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Theo kết quả phân tích trên, ta thấy nồng độ các khí thải thấp hơn tiêu chuẩn cho phép của QCVN 05:2009/BTNMT, chỉ có mẫu không khí tại xưởng nghiền có nồng độ bụi cao hơn một chút. Trong phạm vi khu mỏ, ngoài hoạt động khai thác cả lộ thiên, hầm lò trong đó loại hình khai thác bằng hầm lò là chính của mỏ, không có hoạt động công nghiệp nào khác, do đó môi trường không khí của khu mỏ còn trong lành, không có dấu hiệu bị ô nhiễm.

Để đánh giá đầy đủ hơn, kết hợp với các báo cáo giám sát chất lượng không khí trong các năm 2007, 2008 của xí nghiệp, có bảng kết quả tổng hợp như sau:

Bảng 3.2: Kết quả độ rung, bụi và tiếng ồn các năm của khu mỏ [26], [27], [28]

TT	Mẫu không khí		Kết quả phân tích		
			Độ rung	Bụi (mg/m ³)	Ồn (dB)
1	Năm 2006	Khu vực văn phòng 1	KPH	0,059	64,9
	Năm 2007	Cửa hầm lò Nam Lũng	76,9	0,12	65
	Năm 2008	Lò cái 1 – Bình Trai	KPH	<0,1	70
2	Năm 2006	Lò Bắc Lũng Hoài	KPH	0,085	80,2

	Năm 2007	Khu vực văn phòng 2	79,1	0,25	65
	Năm 2008	Lò Bắc Lũng Hoài	60	<0,1	71,2
3	Năm 2006	Bãi trung tuyến	KPH	0,11	64,6
	Năm 2007	Bãi trung tuyến	72	0,12	61
	Năm 2008	Lò Nam Lũng Hoài	KPH	<0,1	73
4	Năm 2006	Cửa lò nghiêng – Bắc Lũng Hoài	KPH	0,3	72,7
	Năm 2007	Trong hầm lò nghiêng – Bắc Lũng Hoài	84,1	0,31	83
	Năm 2008	Khu vực phân xưởng tuyển Kẽm Sunfua	KPH	<0,1	73,5
5	Năm 2006	Cửa lò 1 Bình Chai – Đầm Hồng	KPH	0,134	60
	Năm 2007	Trong đường hầm lò 1 – Bình Chai	88	<0,1	92
	Năm 2008	Tại khu vực nghiền quặng	KPH	<0,1	74
6	Năm 2006	Khu tập thể công nhân trên đỉnh Khe Khao	KPH	0,102	56
	Năm 2007	Khu vực đập sàng, xưởng tuyển của XN	60	0,27	64
	Năm 2008	Bãi trung chuyển quặng	KPH	0,1	71
TCCP			70	0,3	75

Ghi chú:

Tiêu chuẩn cho phép đối với khí độc, ồn áp dụng QCVN 05:2009/BTNMT và TCVN 5949:1998; đối với bụi và khí độc hại tại các khu vực sản xuất áp dụng tiêu chuẩn 3733:2002/QĐ-BYT.

Thông qua bảng kết quả phân tích bụi, ồn và độ rung của một số điểm mẫu trong khu vực mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền – phần đang khai thác hầm lò, ta thấy hầu hết

các chỉ tiêu đều dưới tiêu chuẩn cho phép của các Quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, chỉ có một số điểm đo vào thời gian nổ mìn nên độ ồn cao hơn mức cho phép một chút.

Xí nghiệp đang áp dụng biện pháp xử lý bụi bằng cách dùng nước phun lên quặng và đường vận chuyển, đồng thời do mật độ các mỏ khai thác có khoảng cách xa nhau lớn và lưu lượng xe vận chuyển quặng không nhiều nên hàm lượng bụi ở trong và ngoài khu sản xuất của xí nghiệp đều nhỏ hơn tiêu chuẩn cho phép. Đây là một trong những điều kiện rất thuận lợi để tiến hành du lịch sinh thái – du lịch mạo hiểm tại khu mỏ vì môi trường không khí vẫn trong lành, ít bị tác động của hoạt động khai thác.

b) Môi trường nước

Khu vực mỏ Kẽm – Chì Chợ Điện lấy nước ở các suối chảy qua để làm nước sinh hoạt. Các mẫu nước được phân tích lấy từ giếng cấp nước sinh hoạt và nước ăn của mỏ để đánh giá đầy đủ hơn mức độ thích hợp của tài nguyên thủy văn du lịch của khu mỏ. Số liệu thống kê trong 3 năm gần đây được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Bảng 3.3: Diễn biến chất lượng nước ngầm khu mỏ [25], [26], [27]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008		TCCP	
			NN1	NN2	NN1	NN2	NN1	NN2	*	**
1	pH		6,64	6,77	6,6	6,96	7,03	6,98	6 – 8,5	5,5 – 8,5
2	TSS	mg/l	5,24	11,28	9,52	8,54	6,45	5,55		1500
3	As	mg/l	0,0022	0,0012	0,003	0,0027	0,0024	0,0030	0,05	0,05
4	Pb	mg/l	0,0005	0,0005	0,0002	0,0003	0,0003	0,0001		0,01
5	Zn	mg/l	0,457	0,455	0,462	0,478	0,567	0,623		3
6	Fe	mg/l	<0,02	<0,02	0,02	0,03	0,05	0,06	0,5	5

Ghi chú:

* QCVN 02:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt

** QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm

NN1: Giếng cấp nước sinh hoạt của xí nghiệp

NN2: Nước suối nguồn chảy qua mỏ

Từ kết quả phân tích, ta thấy chất lượng nước các suối chảy từ khe núi ra, có qua khu vực mỏ đạt chất lượng tốt. Các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của nước sinh hoạt theo QCVN 02:2009/BYT và cũng đạt tiêu chuẩn của chất lượng nước ngầm theo QCVN 09:2008/BTNMT.

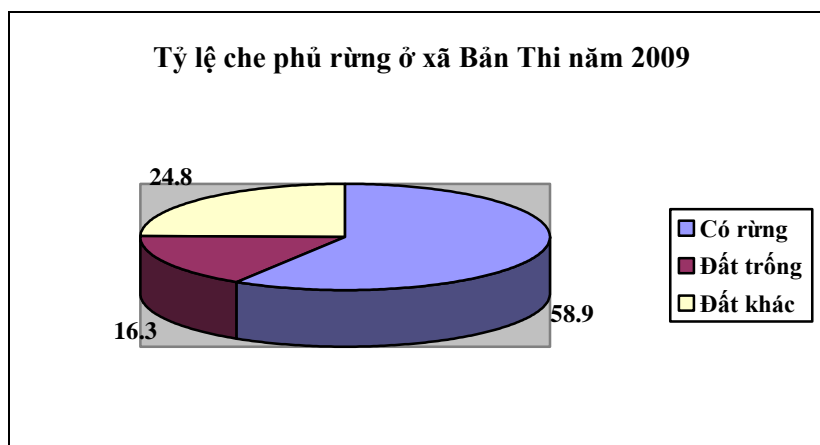
c) Hiện trạng tài nguyên rừng và độ che phủ

Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền có 2 hệ sinh thái điển hình là rừng cây trên núi đá vôi Kaster và rừng ẩm thường xanh với nhiều loài cây nguyên sinh như nghiến, sến... Thống kê của Cục kiểm lâm năm 2009 về diện tích và độ che phủ rừng tại xã Bản Thi được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 3.4: Diện tích và độ che phủ rừng tại xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn [18]

Diện tích tự nhiên	6.513 ha	Tỷ lệ 100 %
Có rừng	3.839 ha	58,9 %
- Rừng tự nhiên	3.712 ha	
- Rừng trồng	0.127 ha	
Đất trống	1.061 ha	16,3 %
Đất khác	1.613 ha	24,8 %
Tỷ lệ che phủ	-	58,9 %

Theo như số liệu trên thì khu vực nghiên cứu có diện tích đất rừng tự nhiên lớn, chiếm 96,7 % diện tích đất rừng hiện có trên khu vực. Và diện tích đất có rừng đạt tỷ lệ che phủ lớn là 58,9 % toàn khu vực.



Hình 3.1: Tỷ lệ che phủ rừng xã Bản Thi năm 2009

Mặt khác, rừng tự nhiên ở khu vực mở là rừng nguyên sinh, ít chịu tác động của các hoạt động chặt phá lấy gỗ của người dân do địa hình khó đi lại. Do đó, tài nguyên sinh vật của vùng mở này còn tương đối nhiều và ổn định.

3.2. Phân tích những điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) của tài nguyên du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm tại khu mở Kẽm – Chì Chợ Điền

Phương pháp SWOT áp dụng cho khu mở Chợ Điền là phương pháp được lựa chọn để phân tích và đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu (yếu tố bên trong) của tài nguyên du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm tại khu mở Chợ Điền cũng như các cơ hội và thách thức (yếu tố bên ngoài) đối với tài nguyên này. Bảng tổng hợp được thể hiện dưới đây

Bảng 3.5: Tóm tắt các yếu tố SWOT của tài nguyên du lịch sinh thái – mạo hiểm.

SWOT	Tài nguyên du lịch sinh thái – du lịch mạo hiểm của khu mỏ Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	
Yếu tố bên trong	<p><u>Những điểm mạnh</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - S1: Có nguồn TNTN đẹp - S2: Có tài nguyên văn hóa – lịch sử phong phú - S3: Vị trí địa lý khá thuận lợi và gần các điểm du lịch khác trong vùng - S4: Khí hậu trong lành và các thành phần môi trường diễn biến tốt. 	<p><u>Những điểm yếu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - W1: Cơ sở hạ tầng còn yếu kém. - W2: Các dịch vụ đi kèm còn hạn chế - W3: Thiếu nhân lực tổ chức và quản lý hoạt động DLST.
Yếu tố bên ngoài	<p><u>Những cơ hội</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - O1: Đầu tư vào DLST và DLMH đang được khuyến khích - O2: Hình thức du lịch từ các mỏ đã ngừng hoạt động trên TG đã có nhiều mô hình thành công. - O3: Du lịch VN được thế giới đánh giá cao và là điểm đến hứa hẹn của thế kỷ 21. - O4: Du lịch tại Khu mỏ Chợ Điền có thể lồng ghép vào các tuyến du lịch sẵn có trên địa phương. - O5: Cán bộ khu mỏ có mong muốn phát triển DLST 	<p><u>Những thách thức</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - T1: Vấn đề kiểm soát dịch bệnh. - T2: Vấn đề an ninh, an toàn cho du khách - T3: Vấn đề quảng bá hình ảnh, sản phẩm du lịch tới du khách trong và ngoài nước. - T4 : Vấn đề vốn đầu tư và thiết kế du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm tại khu mỏ. - T5 : Vấn đề chính sách và hỗ trợ từ các cơ quan có chức năng. - T6 : Vấn đề biến đổi bản sắc văn hóa người dân bản địa theo những hướng khác nếp văn hóa cũ.

3.2.1. Phân tích những điểm mạnh, yếu (yếu tố bên trong)

Những điểm mạnh:

Tài nguyên du lịch sinh thái – du lịch mạo hiểm ở khu mỏ Chợ Điền có một số điểm mạnh như sau:

- Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng

Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền, nằm trong xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, là khu vực có điều kiện tự nhiên rất thuận lợi để phát triển loại hình du lịch mạo hiểm và du lịch sinh thái. Thiên nhiên tại khu mỏ là sự kết hợp hài hòa giữa những cảnh quan kỳ thú với bãi đá tai mèo lởm chởm với những thảm cỏ xanh mượt hay các hình khối kỳ lạ giống như tháp chàm trên đỉnh Lũng Lỳ cao trên 1000 m; các đỉnh núi có hình thù kỳ dị. Địa hình nơi đây rất hiểm trở, khu mỏ Chợ Điền nằm trên địa hình núi cao thuộc dãy Sam Sao, với độ cao tuyệt đối khoảng 1.172 m chạy dài theo hướng Đông Bắc – Tây Nam. Địa hình phân cắt mạnh bởi các thung lũng, khe suối hẹp, chia dải núi thành các khối đá đồ sộ.



Hình 3.2: Khu mỏ Chợ Điền [23]



Hình 3.3: Khối đá địa chất tại mỏ [23]

Hệ sinh thái khu mỏ là hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới xen kẽ với hệ sinh thái rừng ẩm thường xanh. Với khí hậu mát mẻ, nhiệt độ luôn dao động trung bình khoảng 20 độ C, khu mỏ Chợ Điền quanh năm nằm trong màn sương mờ ảo, như chốn tiên cảnh. Từ dưới lên tới đỉnh núi Lũng Lỳ, có nhiều cảnh đẹp như thác nước và rừng cây nguyên sinh phủ kín khu mỏ. Khu mỏ Chợ Điền nói riêng và xã Bản Thi nói chung là

một khu vực có diện tích rừng nguyên sinh lớn, độ che phủ rừng cao. Toàn xã có diện tích rừng là 6.513 ha, trong đó diện tích có rừng là 3.839 ha – Độ che phủ 58,9 %. Trong diện tích có rừng là 3.839 ha thì có 3.712 ha rừng tự nhiên (trong đó chủ yếu là rừng cây gỗ lớn chiếm diện tích là 3.278 ha) [18]. Đây là điều kiện thuận lợi về tài nguyên thiên nhiên, có thể khai thác để phát triển khu nghỉ dưỡng trên đỉnh núi hay sườn núi; tương tự như dạng này có khu du lịch nghỉ dưỡng – tâm linh Bà Nà Hill xây dựng trên đỉnh núi Bà Nà – Đà Nẵng hay khu nghỉ mát Tam Đảo – Vĩnh Phúc xây dựng trên sườn và đỉnh dãy Tam Đảo.

Mặt khác, đường lên đỉnh núi khu mỏ Chợ Điền là một đường mòn nhỏ hẹp, một bên là núi cao, một bên là vực thẳm. Đường đi quanh co vòng quanh núi để lên đỉnh, là một thử thách thực sự cho các du khách ưa du lịch mạo hiểm theo hình thức đi bộ việt dã (trekking) hay cho loại hình lái xe ô tô địa hình Off Road mới thịnh hành hiện nay. Đoạn đường từ dưới lên đỉnh núi dài khoảng hơn 3 cây số, đi lại rất khó khăn, độ dốc cao, chỉ có ô tô 2 cầu mới có thể lên được.



Hình 3.4: Đường lên mỏ hiểm trở [23]



Hình 3.5: Suối chảy qua khu mỏ [23]

- Tài nguyên văn hóa và di tích lịch sử

Khu mỏ Chợ Điền có lịch sử khai thác từ trước đây khá lâu. Đầu thế kỷ 18, người Trung Hoa đã bắt đầu khai thác chì ở mỏ với quy mô nhỏ. Đầu thế kỷ 20, người Pháp đã tiến hành khai thác ở quy mô công nghiệp chì kẽm tại khu mỏ Chợ Điền. Họ sử dụng hệ thống goòng treo và đường sắt cỡ nhỏ để vận chuyển quặng tới kho chứa

quặng. Hiện nay trên đường dây cáp treo lên đỉnh núi, vẫn còn di tích xe goòng treo lơ lửng trên đó tạo nên cảnh tượng rất đẹp mắt. Đây chính là một di tích lịch sử cho thấy một thời người Pháp đã khai thác kẽm – chì tại khu mỏ và công nghệ khai thác thời điểm đó. Cách khu mỏ không xa là di tích lịch sử an toàn khu (ATK) Chợ Đồn – một trong những an toàn khu Việt Bắc, nơi Bác Hồ ở trong thời gian chỉ đạo kháng chiến chống Pháp. Mặt khác, xã Bản Thi là một xã thưa dân nhưng có nhiều tộc người cùng sinh sống, chủ yếu là dân tộc Tày, Nùng, Dao, Kinh ... mật độ 5 người/km². Đời sống của người dân nơi đây vẫn mang đậm phong cách của dân tộc thiểu số với những vốn tri thức bản địa đặc sắc như trồng ngô thổ canh hóc đá; trồng lúa nương, kinh tế tự cung tự cấp là chủ yếu, hàng hóa và sản vật nông nghiệp được trao đổi trực tiếp ở các chợ phiên (chợ vùng cao). Nơi đây nổi tiếng với thứ rượu ngô và phong cách uống rượu Bắc Kạn, đậm tính mến khách của người dân nơi đây. Du khách đến với nơi này còn có thể tham gia vào các ngày hội của người dân tộc như Lễ hội Lồng Tồng, tham gia trò chơi Tung Cờ của các chàng trai, cô gái dân tộc. Có thể nói, khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Đồn là một không gian pha trộn giữa cảnh sắc hùng vĩ và không gian văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

- *Vị trí địa lý khá thuận lợi và gần với các điểm du lịch khác trong vùng*

Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Đồn nằm trong xã Bản Thi, phía Bắc tiếp giáp với VQG Ba Bể - là vườn quốc gia được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới; phía Tây giáp Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, phía Nam xã Bản Thi là khu bảo tồn Kym Hỷ (Na Rì), phía Đông khu mỏ là khu ATK Chợ Đồn, đây là một trong những khu căn cứ mà Bác Hồ và các vị cán bộ cấp cao của Đảng ta đã lãnh đạo và chỉ đạo dân tộc trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Hiện nay ATK Chợ Đồn đang được phục chế xây dựng theo quy hoạch tổng thể “Chiến khu Việt Bắc” của Chính phủ (xem hình 2.1).

Có 3 đường ô tô từ Thái Nguyên đến khu mỏ là: Tuyến từ Thái Nguyên – Định Hóa – Chợ Đồn – Bản Cầu – Bản Thi dài 140 km. Tuyến từ Thái Nguyên – Bắc Kạn –

Chợ Đồn – Bản Cậu – Bản Thi dài 170 km. Tuyến từ Thái Nguyên – Tuyên Quang – Chiêm Hóa – Bản Cầu – Bản Thi dài 240 km.



Hình 3.6: Đường giao thông lên khu mỏ
[28]



Hình 3.7: Văn phòng mỏ Chợ Đồn [28]

Do đó, khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Đồn có vị trí đặc biệt trong phát triển du lịch sinh thái và du lịch văn hóa của khu vực.

- Khí hậu trong lành và diễn biến các thành phần môi trường theo chiều hướng tốt.

Các thành phần môi trường đã được phân tích và tổng hợp trong phần trước. Để đánh giá các thành phần môi trường không khí, môi trường nước của khu mỏ Chợ Đồn có phù hợp để tổ chức các hoạt động du lịch mạo hiểm, du lịch sinh thái hay không, tác giả đã so sánh các chỉ tiêu môi trường đã được phân tích trong thời gian gần đây (3 năm) với *chỉ tiêu chất lượng môi trường để tổ chức một số loại hình du lịch cơ bản* trong Quyết định số 02/2003/QĐ-BTNMT ban hành ngày 29/7/2003 về *Quy chế BVMT trong lĩnh vực du lịch* [31]. Sau khi so sánh các bảng 3.1, 3.2, 3.3 với phụ lục 1 trong Quy chế này, nhận thấy các chỉ tiêu chất lượng nước của khu mỏ có pH dao động từ 6,5 – 7,5; Hàm lượng Sắt < 0,3 mg/l; Hàm lượng Asen < 0,05 mg/l; Hàm lượng Kẽm < 5,0 mg/l; Hàm lượng Chì < 0,05 mg/l. Do đó, chất lượng nước của khu mỏ phù hợp với các yêu cầu chỉ tiêu môi trường để tổ chức các hoạt động du lịch sinh

thái và du lịch mạo hiểm. Các thông số chất lượng không khí khu mỏ nằm trong giới hạn cho phép của phụ lục 1 Quy chế BVMT trong lĩnh vực du lịch (Xem trong phần Phụ lục 2).

Khí hậu ở khu mỏ luôn ôn hòa mát mẻ, nhiệt độ dao động khoảng 21 độ C (xem bảng 2.1). Như vậy, các thành phần môi trường đặc biệt là môi trường nước và khí hậu đạt chất lượng tốt, phù hợp tổ chức du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm.

Những điểm yếu:

- Cơ sở hạ tầng còn yếu kém.

Một trong những điểm còn yếu của tài nguyên du lịch sinh thái – mạo hiểm tại đây là cơ sở hạ tầng, đường đi lại chưa thật tốt. Các quán xá rải rác trong khu mỏ, nếu có tiến hành du lịch sinh thái – mạo hiểm thì không thể đáp ứng được nhu cầu của du khách, đặc biệt là những du khách nước ngoài, ưa loại hình du lịch mạo hiểm. Chưa có hệ thống cấp nước, cấp điện. Nguồn nước sử dụng vẫn lấy trực tiếp từ suối Bản Thi và các suối nhỏ chảy qua khu vực nên chưa đảm bảo về lượng nước cũng như chất lượng nước sinh hoạt sử dụng. Nhà nghỉ hay trạm dừng chân cũng chưa có.

- Các dịch vụ đi kèm thiếu thốn

Do người dân sống trong vùng mỏ Chợ Điền tương đối thưa thớt, và phần nhiều sống theo phong tục của dân tộc thiểu số nên việc cung ứng các dịch vụ ăn uống hay các dịch vụ khác cho khách du lịch là tương đối khó khăn. Mặt khác, các dịch vụ như internet và viễn thông rất hạn chế tại vùng mỏ.

- Cán bộ xí nghiệp và người dân thiếu kiến thức tổ chức du lịch sinh thái.

Du lịch sinh thái và mạo hiểm là một lĩnh vực rất mới ở Việt Nam. Các loại hình này mới xuất hiện và phát triển ở Việt Nam trong một thời gian ngắn. Mặt khác triển khai du lịch sinh thái tại khu mỏ do một đơn vị khoáng sản đầu tư thì hầu như ở Việt Nam chưa có tiền lệ; hiện chỉ có mỏ Chi – Kẽm Na Sơn, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang của công ty CP Công nghệ, TN&MT Hoàng Bách đầu tư xây dựng một khu tâm linh trên đỉnh núi cao hơn 1.200 m, nơi đặt văn phòng mỏ. Khu tâm linh của mỏ gồm nhiều tượng phật quan âm và các bức tượng phật trong một khu vực có diện tích nhỏ; tuy nhiên du lịch tâm linh ở khu vực này vẫn chưa phát triển ra bên

ngoài khu vực mỏ [23]. Do các lý do trên nên hầu như các cán bộ xí nghiệp Kẽm – Chì Chợ Điền và người dân trong khu mỏ chưa có nhiều kiến thức tổ chức du lịch sinh thái nên việc tổ chức du lịch tại khu mỏ sẽ gặp nhiều khó khăn hoặc phải chuẩn bị chu đáo và thuê chuyên gia tư vấn.

3.2.2. Những cơ hội và thách thức (yếu tố bên ngoài)

+ Cơ hội

- Đầu tư du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm đang là hướng được khuyến khích.

Quyết định số 91/2008/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, có nêu:

Các hướng phát triển chủ yếu về sản phẩm du lịch là:

- *Du lịch sinh thái: Các vườn, hồ (Hoàng Liên, Ba Bể, Núi Cốc, ...).*
- *Du lịch lịch sử - văn hóa: Đền Hùng, Điện Biên Phủ, ATK, văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc, ...*
- *Du lịch thể thao-mạo hiểm: Leo núi Fanxipan, vượt thác ghềnh trên hệ thống sông Hồng, các tuyến du lịch dã ngoại. [32]*

- Trên thế giới hiện đã có nhiều mô hình đầu tư thành công như các điển hình khu du lịch sinh thái và khu bảo tồn thiên nhiên ở Úc, Malaysia, Thụy Điển phát triển trên nền khu mỏ thiếc hay mỏ boxit đã ngừng khai thác hoặc bị bỏ hoang lâu năm. Và thực tế cho thấy, các nhà đầu tư nước ngoài sẵn sàng đầu tư phát triển khu du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm. Mặt khác, xu hướng du lịch ngày nay là du lịch thân thiện với môi trường và du lịch ở Việt Nam được thế giới đánh giá là rất có tiềm năng (như phần tổng quan đã đề cập).

- Khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền nằm trong tổng thể du lịch với sự pha trộn giữa thiên nhiên hùng vĩ và tài nguyên văn hóa, lịch sử.

Các khu du lịch sinh thái lân cận khu mỏ có vườn quốc gia Ba Bể, khu Bảo tồn Thiên nhiên Kim Hỷ (Na Rì), khu An toàn khu Chợ Đồn, các hoạt động du lịch trên sông, trong các hang động Kaster...

Tài nguyên văn hóa, lịch sử của khu vực lân cận khu mỏ là một điểm quan trọng để xác lập một khu du lịch sinh thái phù hợp với quy hoạch chung về du lịch của tỉnh và cả nước. Tài nguyên văn hóa của khu vực này nổi bật với đời sống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc của 7 tộc người. Các lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Tung Cờn là những nét văn hóa độc đáo của người dân nơi đây. Tài nguyên lịch sử của khu vực này nổi bật là các khu di tích người Pháp khai thác trước đây, trong quá trình chiến tranh đã bị phá hủy một số khu khai thác, hiện nay chỉ còn một số di tích lịch sử tại khu khai thác như xe goòng treo, hệ thống đường sắt nối liền giữa các mỏ và một số khu khai thác hầm lò đã ngừng. Nếu tiến hành cải tạo và giữ được hiện trạng cảnh quan một số hầm lò đã ngừng khai thác để làm điểm thăm quan thì đây sẽ là một trong những điểm nhấn của du lịch sinh thái khu mỏ Chợ Điền. Tài nguyên du lịch mạo hiểm tại khu mỏ đặc trưng cho vùng núi Bắc Bộ với địa hình cao, hiểm trở và cảnh quan đá Kaster, có thể phát triển du lịch mạo hiểm theo hình thức leo núi hoặc đi bộ mạo hiểm kết hợp với tham quan khu mỏ đã ngừng hoạt động.



Hình 3.8: Khu mỏ trong màn sương [28]



Hình 3.9: Bãi đá tai mèo kỳ lạ [28]

Với những lợi thế như trên, hoạt động du lịch sinh thái – mạo hiểm tại khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền có thể được kết nối với các tuyến du lịch sẵn có trong vùng.

- *Cán bộ xí nghiệp có mong muốn phát triển du lịch sinh thái tại đây*

Du lịch sinh thái – du lịch mạo hiểm là một hướng mới ở nước ta, đặc biệt là việc phát triển du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm tận dụng nguồn tài

nguyên cảnh quan và tài nguyên du lịch phong phú của các khu mỏ. Qua quá trình tiến hành phỏng vấn bán chính thức với các cán bộ ở mỏ như là Quản đốc phân xưởng khai thác và tuyển khoáng; phó Giám đốc khu mỏ, được biết các cán bộ xí nghiệp có mong muốn phát triển du lịch sinh thái ở đây. Thông qua hình thức phỏng vấn bán chính thức và quan sát, thực địa tại khu mỏ và khu dân cư lân cận, nhận thấy người dân rất hoan nghênh việc xí nghiệp tiến hành đầu tư phát triển du lịch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất vì rằng diện tích toàn khu mỏ là hơn 1.600 ha mà diện tích các khai trường chỉ là 10 ha (có cả hầm lò và lộ thiên), chiếm diện tích rất nhỏ. Trong toàn khu mỏ, không chỉ phong cảnh đẹp và đặc trưng cho dạng địa hình Kaster hang động và núi đá mà còn có nhiều dân tộc ít người sinh sống. Nếu lợi thế này không được tận dụng thì sẽ là một lãng phí lớn. Nếu du lịch sinh thái – mạo hiểm được tiến hành ở khu mỏ thì không chỉ tăng thêm thu nhập cho người dân trong vùng thông qua việc đáp ứng các dịch vụ du lịch cho khách du lịch mà còn giải quyết tốt được vấn đề cải tạo môi trường sau khai thác ở những điểm mỏ đã ngừng và tăng nguồn thu cho xí nghiệp.

Thách thức

- Vấn đề kiểm soát dịch bệnh

Trong những năm gần đây, toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng phải đối mặt với nhiều loại dịch bệnh bùng phát ở mức độ lớn. Ví dụ như cuối năm 2003, đầu năm 2004 là đại dịch SARS (Hội chứng hô hấp cấp tính nặng) bùng nổ gây chết hàng nghìn người ở các quốc gia Châu Á và Châu Âu, khiến cho các ngành dịch vụ du lịch điêu đứng trong thời gian đó. Ngay sau đó, từ năm 2005 – 2007, dịch cúm gia cầm với các chủng virus H5N1 và H1N1 đã liên tiếp gây sóng gió ở các nước công nghiệp với việc làm chết hàng loạt gia cầm và biến thể làm chết hàng nghìn người. Và đại dịch này lại bùng phát ở Việt Nam và các nước Châu Á trong năm 2009 gây ra những tổn thất lớn về nông nghiệp và du lịch. Gần đây nhất là dịch bệnh sốt xuất huyết, do nhiễm trùng siêu vi Dengue mà vật trung gian là muỗi vẫn sinh sống ở các vùng nước đọng, đặc biệt phát triển ở nước có rừng mưa nhiệt đới.

Do đó, việc kiểm soát dịch bệnh là một thách thức lớn của ngành du lịch. Dịch bệnh ảnh hưởng rất lớn tới lượng khách du lịch hàng năm và việc du khách có muốn trở lại du lịch trong tương lai hay không.

- Vấn đề kiểm soát an ninh, đảm bảo an toàn cho du khách

An toàn trong chuyến đi là yếu tố được đánh giá cao nhất. Sự bất ổn diễn ra ở các khu vực tại Thái Lan gần đây do các Đảng cầm quyền tranh giành nhau đã khiến lượng du khách tới với đất nước này suy giảm đáng kể. Hay là du lịch tới các khu bảo tồn ở Nam Phi hay Kenya cũng suy giảm do nội chiến, tình hình khủng bố. Việt Nam là một trong những nước có nền chính trị ổn định và có mức độ an ninh cao, tuy nhiên để tiến hành du lịch sinh thái an toàn cho du khách, cũng cần xét tới các vấn đề như trèo kéo khách, ăn xin, cướp giật đồ của khách du lịch cũng có thể diễn ra.

- Vấn đề vốn đầu tư và thiết kế du lịch sinh thái

Do trên đã nêu, cán bộ xí nghiệp Kẽm – Chi Chợ Điền chủ yếu là cán bộ kỹ thuật phụ trách khai thác mỏ, thiếu hoặc chưa được trang bị kiến thức phát triển và tổ chức du lịch sinh thái (từ các khâu thành lập tuyến du lịch, đầu tư phát triển hạ tầng cơ bản đến quảng bá sản phẩm du lịch, kết nối các tuyến...). Mặt khác, để phát triển được du lịch ở đây phải đầu tư một khoản vốn ban đầu tương đối lớn để xây dựng các trạm nghỉ chân, thiết kế đường mòn diễn giải, hỗ trợ cải thiện đường giao thông tới khu mỏ. Mặt khác, mỏ còn cần tiến hành nghiên cứu, tìm ra những đặc trưng để phát triển du lịch thích hợp nhất. Vấn đề vốn do tự xí nghiệp đầu tư hay là kêu gọi đầu tư từ những nguồn khác hay các nhà đầu tư góp vốn phát triển còn chưa được xem xét kỹ. Vấn đề phát triển du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm tại khu mỏ hướng tới đối tượng nào; các hoạt động du lịch sinh thái sẽ mang lại lợi nhuận ra sao cho xí nghiệp, cho các nhà đầu tư và nhân dân địa phương như thế nào vẫn còn phải xem xét tại một nghiên cứu khác.

- Vấn đề quảng bá hình ảnh, sản phẩm du lịch tới du khách

Bất cứ sản phẩm du lịch nào và địa điểm du lịch nào mới hình thành đều cần phải quảng bá, quảng cáo thì du khách mới biết tới. Từ biết đến quyết định tiến hành du lịch còn là một quãng đường dài. Mặt khác, khu mỏ Kẽm – Chi Chợ Điền chỉ là

một điểm du lịch sinh thái – mạo hiểm. Nếu tách rời mà không liên kết với các tuyến điểm có sẵn thì sẽ khó được du khách biết đến và chấp nhận.

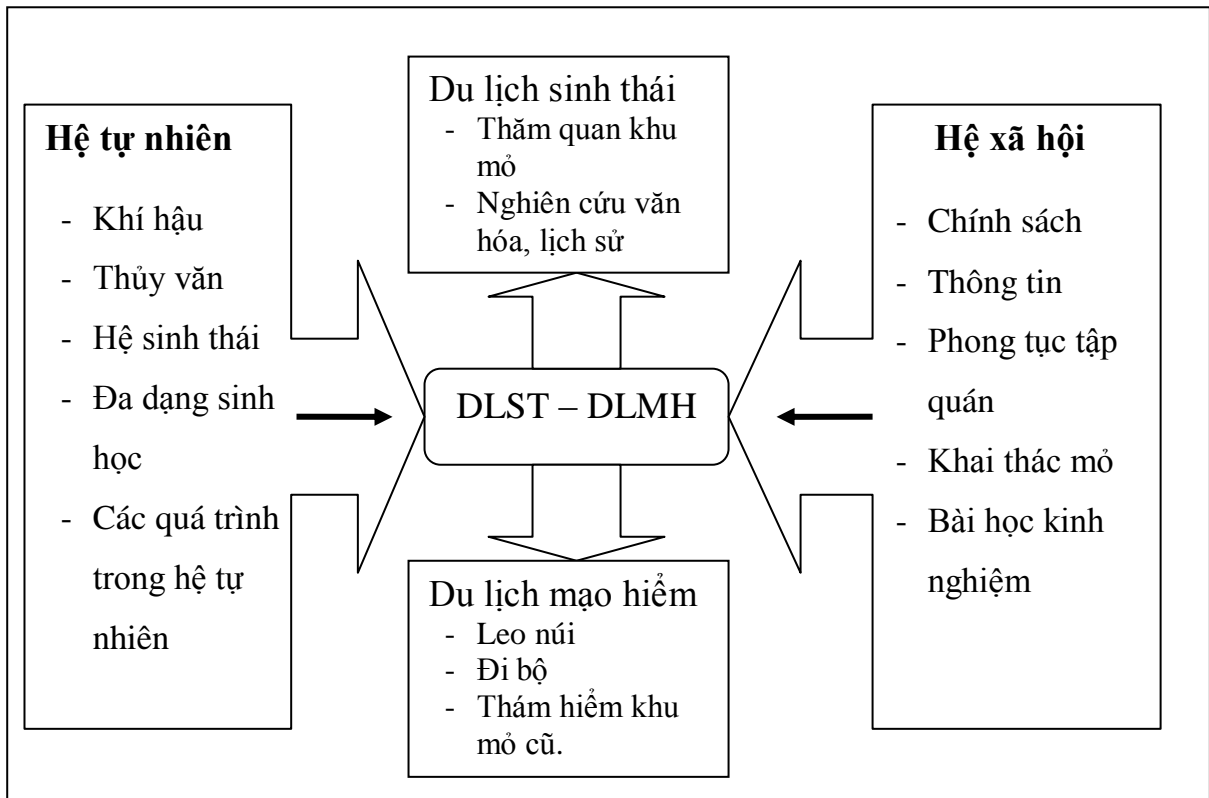
Hơn nữa, thời gian gần đây, báo chí và báo mạng có đưa tin về hiện tượng nhiễm độc chì của người dân sống trong xã Bản Thi cao hơn các xã khác trong khu vực rất nhiều. Có thể du khách đã biết tới khu mỏ này, chỉ có điều đó là tiếng xấu về ô nhiễm môi trường. Xí nghiệp sẽ xử lý các nguồn thông tin này như thế nào để vẫn tiếp tục phát triển được du lịch sinh thái tại khu mỏ này?

- Vấn đề chính sách và hỗ trợ từ chính quyền địa phương

Hoạt động du lịch sinh thái muốn được tiến hành bài bản và mang lại hiệu quả kinh tế và môi trường thì không thể thiếu các chính sách hỗ trợ từ chính quyền địa phương và các cơ quan có chức năng như Tổng Cục du lịch, Phòng du lịch tỉnh Bắc Kạn hay UBND tỉnh Bắc Kạn, UBND huyện Chợ Đồn... Tuy nhiên, việc tiến hành chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã thuê lâu dài của địa phương để khai thác khoáng sản thành phát triển du lịch có thuận lợi hay không còn phụ thuộc nhiều vào các cấp quản lý địa phương.

Tóm lại, việc phân tích các khía cạnh của tài nguyên du lịch sinh thái – du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Chợ Đồn bằng phương pháp SWOT đã cho thấy một bức tranh rõ nét, cụ thể về tiềm năng khai thác những loại hình du lịch này tại khu mỏ. Kết hợp phương pháp SWOT với lý thuyết hệ thống áp dụng cho hệ sinh thái nhân văn khu mỏ Chợ Đồn là một tiếp cận phù hợp cho nội dung báo cáo.

Kết quả nghiên cứu về tác động của tất cả các yếu tố trên vào việc hình thành Du lịch sinh thái – Du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Chợ Đồn được tóm tắt trong sơ đồ dưới đây.



Hình 3.10: Tác động của các yếu tố vào Du lịch sinh thái và mạo hiểm và những sản phẩm Du lịch sinh thái và mạo hiểm tại khu mỏ Chợ Điền

3.3. Tiềm năng du lịch sinh thái, mạo hiểm và khả năng phát triển du lịch sinh thái – mạo hiểm cho khu mỏ này và một số định hướng.

3.3.1. Tiềm năng du lịch sinh thái – mạo hiểm, tổng hợp bằng phương pháp SWOT

Một khu vực được ưu tiên lựa chọn để phát triển DLST cần phải có một số yêu cầu sau:

- Có cảnh quan tự nhiên đẹp, hấp dẫn, cùng với sự phong phú và độc đáo của các giá trị văn hóa bản địa, có tính đại diện cho một vùng.
- Có tính đại diện cao cho một hoặc vài hệ sinh thái điển hình, có tính ĐDSH cao, có sự tồn tại của những loài sinh vật đặc hữu có giá trị khoa học, có thể dùng làm nơi tham quan nghiên cứu
- Gần với những khu du lịch khác trong vùng, để có thể tổ chức một tour du lịch trọn gói, trong đó khu vực được quy hoạch là một điểm DLST nổi bật và quan trọng.
- Có những điều kiện đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động DLST về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật ... và có thể tiếp cận một cách dễ dàng, thuận lợi.

Nguồn [1]

Tổng kết lại theo phương pháp SWOT cho thấy khu mỏ Chì kẽm Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đạt được $\frac{3}{4}$ chỉ tiêu trên; do đó khu mỏ có thể mạnh để phát triển du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm. Thế mạnh đó nổi bật ở vẻ đẹp cảnh quan, địa chất Kaster đặc trưng, hệ sinh thái tự nhiên và nhân văn. Mặt khác, nếu các bên liên quan đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và tăng cường hoạt động quảng bá cho sản phẩm du lịch này thì đây có thể là một hướng tiếp cận rất phù hợp cho khu mỏ sau khi ngừng khai thác khoáng sản.

Lợi ích của việc chuyển đổi sử dụng đất của khu mỏ hiện nay sang phát triển du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm là rất có triển vọng. Theo các văn bản luật và chính sách về cải tạo và phục hồi môi trường sau khai thác đã nêu ở trên, khi mỏ kết thúc hoặc dừng khai thác Kẽm – Chì tại một số điểm mỏ hoặc toàn khu mỏ thì phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường mà cách thức phổ biến nhất là đổ đất lấp đầy các moong khai thác và lấp đầy các khu khai thác hầm lò. Sau đó tiến hành chọn cây trồng phủ xanh khu khai thác. Điển hình có Khai trường Hàm Chim của mỏ sắt Trại

Cau, khi tiến hành hoàn thổ đổ đất và tiến hành trồng cây, tổng chi phí cho dự án cải tạo môi trường và đóng cửa khai trường đó lên tới 8,9 tỷ đồng – một số tiền rất lớn mà doanh nghiệp buộc phải chấp nhận cho việc hoàn thổ. Sau đó diện tích này được trả lại cho địa phương và người dân được sử dụng để trồng cây công nghiệp ngắn ngày và trồng cây lương thực mang lại lợi nhuận không cao. Đây là một sự lãng phí lớn, nếu công ty hay đơn vị khai thác đầu tư số tiền tương tự vào phát triển du lịch sinh thái thì đây sẽ là một triển vọng lớn (như các khu du lịch sinh thái ở Malaysia, khu bảo tồn hay một khu phục vụ dịch vụ khác mang lại lợi nhuận cao hơn nhiều cho chủ đầu tư).

Đề xuất một số hướng tiếp cận cho hoạt động du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm tại khu mỏ

Một số định hướng chung cho phát triển du lịch sinh thái tại khu mỏ

a. Phát triển một số loại hình du lịch sinh thái đặc trưng tại khu mỏ như: du lịch tham quan, nghỉ ngơi, khám phá thiên nhiên và di tích lịch sử, sinh hoạt văn hóa với người dân bản địa, du lịch mạo hiểm đi xe địa hình, leo núi, băng rừng...

b. Phát triển lồng ghép các điểm du lịch với tuyến sẵn có: có thể thêm điểm khu du lịch sinh thái – mạo hiểm tại mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền vào các tour sẵn có. Ví dụ như lồng ghép vào tuyến Hà Nội – VQG Ba Bể; Hà Nội – An toàn khu Chợ Đồn; Du lịch dài ngày tại các khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ (Na Rì) – Na Hang (Tuyên Quang)...

c. Phối hợp với các hãng lữ hành, hãng du lịch mở rộng dịch vụ du lịch

d. Phát triển mạng lưới thông tin liên lạc và phương tiện giao thông

e. Nâng cao các dịch vụ phục vụ hoạt động Du lịch sinh thái

f. Phát triển cộng đồng

Một số định hướng tiếp cận cho hoạt động du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm tại khu mỏ:

Hướng 1: Sau khi mở ngừng hoạt động, sẽ tiến hành cải tạo môi trường một số khu vực trong mỏ và tiến hành đầu tư một số hạng mục phục vụ cho việc phát triển du lịch sinh thái.

Hướng 2: Ngay khi mở đang hoạt động, xí nghiệp chủ động quy hoạch một khu vực có cảnh quan và hệ sinh thái đặc trưng, không chịu tác động của hoạt động khai thác để tiến hành phát triển du lịch sinh thái.

Để tổ chức tốt hoạt động du lịch sinh thái tại khu mỏ, xí nghiệp cần đầu tư hoặc thu hút đầu tư nhằm nghiên cứu, thiết kế tuyến du lịch phù hợp; sau đó tiến hành quảng bá hình ảnh du lịch đến du khách.

Việc nghiên cứu, thiết kế các tuyến du lịch phù hợp, thiết kế đường mòn diễn giải trong quá trình tham quan là điểm mấu chốt cho du lịch sinh thái. Vấn đề này xí nghiệp cần chủ động mời chuyên gia về đánh giá tình hình và phối hợp với cán bộ của mỏ để thiết kế.

Một số giải pháp cụ thể để triển khai du lịch sinh thái – mạo hiểm tại khu mỏ như sau:

a. Giải pháp cơ chế, chính sách

Cần có những cơ chế, giải pháp đồng bộ từ chính quyền địa phương tới chủ đầu tư và người dân để thực hiện tốt du lịch sinh thái.

- Về phía chính quyền: chính quyền địa phương gồm có UBND huyện Chợ Đồn, UBND xã Bản Thi, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Bản Thi – tiến hành hỗ trợ về phát triển đường xá, tăng cường an ninh, phân phối quyền sử dụng đất, cấp phép kịp thời, giám sát các hoạt động đầu tư; giải quyết những mâu thuẫn có thể phát sinh giữa chủ đầu tư và người dân (nếu có); các tổ chức có liên quan cần tạo hành lang tốt cho hoạt động du lịch tại đây (ưu đãi đầu tư, giảm thuế, cho vay...)
- Về phía chủ đầu tư; xí nghiệp Kẽm – Chì Chợ Đồn: tiến hành xây dựng nhà nghỉ sinh thái hay các trạm dừng chân trên sườn núi hay một số vị trí trên đường mòn diễn giải hoặc trung tâm khu du lịch; phát triển thêm các phương tiện đi lại, hệ thống thông tin viễn thông cần được tăng cường phủ sóng; tổ chức quảng cáo, giới thiệu hay khuyến mãi, xây dựng sản phẩm du lịch.

b. Giải pháp về thị trường

Tăng cường nghiên cứu và tìm hiểu thị trường du lịch sinh thái trong nước và nước ngoài, nắm bắt nhu cầu du lịch ngày một đa dạng và phong phú của du khách; tăng cường quảng bá thể mạnh du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm tại Việt Nam nói chung và tại khu vực nghiên cứu nói riêng.

c. Giải pháp về quy hoạch

Thực hiện quy hoạch du lịch sinh thái tại khu mỏ và tiến hành thiết kế đường mòn diễu giải và các điểm du lịch lịch sử, khoa học như: khu vực khai thác đã ngừng từ thời Pháp, hệ thống xe goòng treo, một số hầm lò và khai trường đã hoàn thổ từ thời Pháp; nghiên cứu về địa chất cho sinh viên; du lịch trekking đi bộ qua rừng hay leo núi cho du khách ưa mạo hiểm; ô tô leo núi cho du khách thích loại hình Off road...

Quy hoạch du lịch sinh thái nói chung cho khu vực này đã được đề cập tới trong Quyết định số 91/2008/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch - Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020. Do đó Tổng cục du lịch và chính quyền địa phương cần có sự phối hợp chặt chẽ với bên chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động quy hoạch và thiết kế du lịch cho khu mỏ phù hợp với quy hoạch chung.

d. Giải pháp về đào tạo

Đào tạo cán bộ xí nghiệp thành những nhân viên hướng dẫn du lịch sinh thái hoặc người dân bản địa thì càng tốt. Xí nghiệp có thể mời chuyên gia về hướng dẫn cho cán bộ mỏ và người dân hoặc cử người đi sang các khu du lịch sinh thái khác để học hỏi kinh nghiệm làm du lịch và hướng dẫn du lịch.

Cần giáo dục về môi trường cho người dân để nâng cao nhận thức của họ về tầm quan trọng của sinh thái và môi trường. Cần cho họ hiểu rằng mất đi tài nguyên rừng là một mất mát lớn không thể tính bằng tiền và điều này gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của chính chúng ta.

e. Giải pháp tổ chức quản lý

Cần có bộ phận quản lý ngay tại khu du lịch, xây dựng bảng hướng dẫn và nội quy về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho du khách. Khuyến khích mọi người, người dân bản địa tham gia giám sát hoạt động du lịch tại đây và phản hồi giúp cán bộ mỏ

quản lý tốt du lịch sinh thái. Mặt khác, người dân tích cực tham gia cung cấp thực phẩm, dịch vụ khác để phục vụ du khách như mở quán ăn, nước uống, dịch vụ mang đồ cho du khách leo núi.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I – KẾT LUẬN

Du lịch sinh thái và mạo hiểm là một trong những hướng phát triển du lịch thân thiện với môi trường, mang lại thu nhập cao và là xu hướng hiện nay. Du lịch sinh thái và mạo hiểm tại các khu mỏ đã phát triển nhiều năm nay trên thế giới và còn rất mới mẻ ở Việt Nam.

Các khu mỏ ở Việt Nam hiện nay đều phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác. Vấn đề này đã được quy định trong các văn bản pháp luật và đơn vị khai thác phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường, thông thường là đổ đất trả lại mặt bằng và trồng cây xanh phủ lại thảm thực vật. Đơn vị khai thác sẽ không được hưởng lợi từ việc làm đó. Phát triển du lịch sinh thái tại khu mỏ là một hướng mới để giải quyết bài toán cải tạo phục hồi môi trường cho các điểm mỏ đã ngừng khai thác.

Khu mỏ Chì – Kẽm Chợ Điền, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn là một trong các khu mỏ khai thác khoáng sản ở Việt Nam, nơi có điều kiện tự nhiên và xã hội thích hợp cho phát triển du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm. Nghiên cứu những điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức của tài nguyên du lịch sinh thái tại khu mỏ cho thấy rằng khu mỏ này có tiềm năng phát triển loại hình du lịch này.

Nếu đơn vị khai thác kết hợp tiến hành cải tạo phục hồi môi trường với việc đầu tư, phát triển du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm tại khu mỏ thì không những có thể thu lợi từ hoạt động du lịch sinh thái mà còn có thể đảm bảo hoạt động cải tạo phục hồi môi trường theo yêu cầu hiện hành.

Nếu khu mỏ Chì – Kẽm Chợ Điền có thể tiến hành du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm thành công thì đây là một điển hình có thể áp dụng rộng rãi cho các mỏ khai thác khoáng sản khác trên cả nước và góp phần giải quyết vấn đề cải tạo phục hồi môi trường ở các vùng khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường.

II – KIẾN NGHỊ

Để tiến hành thuận lợi các hoạt động du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm tại khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền cần sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ cùng xí nghiệp, chủ đầu tư và người dân. Thực hiện từng bước các kế hoạch như phần trên đã đề cập. Xí nghiệp có thể tiến hành theo một trong hai kịch bản sau:

Hướng 1: Sau khi mở ngừng hoạt động, sẽ tiến hành cải tạo môi trường một số khu vực trong mỏ và tiến hành đầu tư một số hạng mục phục vụ cho việc phát triển du lịch sinh thái.

Hướng 2: Ngay khi mỏ đang hoạt động, xí nghiệp chủ động quy hoạch một khu vực có cảnh quan và hệ sinh thái đặc trưng, không chịu tác động của hoạt động khai thác để tiến hành phát triển du lịch sinh thái.

Đề đề tài trong luận văn này có tính thực tế và áp dụng được cho khu mỏ Kẽm – Chì Chợ Điền, cần có những nghiên cứu chuyên sâu hơn kết hợp với phân tích chi phí lợi ích cho khu mỏ nhằm từng bước tiến hành đưa du lịch sinh thái – du lịch mạo hiểm vào thực tế cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

1. Lê Huy Bá (2001), *Du lịch sinh thái (Ecotourism)*, NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.
2. Lê Huy Bá (2004), “Du lịch sinh thái và các vấn đề môi trường trong phát triển du lịch sinh thái”, *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Bình Phước*, 2004 (3), tr. 33 – 36
3. Lê Minh Châu, Lê Đăng Hoan (2007), “Vài nét về hoàn thổ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản”, *Báo cáo Hội nghị KHKT Mở toàn quốc lần thứ 18*, tr. 41 – 45.
4. Lê Trọng Cúc (2009), *Tài liệu giảng dạy chuyên đề sinh thái học và sinh thái nhân văn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội
5. Trương Quang Hải (2007), “Quy hoạch định hướng các tuyến du lịch mạo hiểm khu vực di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng”. *Tạp chí khoa học*, 2007 (3), ĐH Quốc gia Hà Nội, tr. 114 – 119.
6. Hoàng Thị Hồng Hạnh, Huỳnh Thị Minh Hằng (2001), “Vấn đề hoàn thổ các mỏ khai thác đá xây dựng Đông Nam Bộ”, *Báo cáo Hội nghị Khoa học Mở toàn quốc lần thứ XIII*, tr.413 – 415.
7. Nguyễn Đình Hòa (2008), “Du lịch sinh thái – Thực trạng và giải pháp để phát triển ở Việt Nam”. *Tạp chí kinh tế và phát triển*, 2008 (1), tr. 11 – 13, 17.
8. Phạm Trung Lương (2006), *Báo cáo Cơ sở khoa học để phát triển các sản phẩm du lịch thể thao – mạo hiểm vùng núi phía Bắc*, Đề tài cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hà Nội.
9. Lê Văn Minh (2005), “Quản lý nhà nước du lịch sinh thái – cơ sở để phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, 2005 (9), tr.37 – 40.
10. Lê Văn Minh (2008), *Du lịch sinh thái – tiềm năng và thế mạnh của du lịch Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, Hà Nội.

11. Đặng Kim Nhung và nnk (2009), “Một số cơ sở khoa học trong nghiên cứu phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch sinh thái”. *Tạp chí Tài nguyên và Môi trường*, 2009 (2), tr. 50 – 52.
12. Nguyễn Quyết Thắng (2005), “Phát triển du lịch sinh thái – bài học kinh nghiệm từ thành công một số nơi trên thế giới”. *Tạp chí Nhìn ra nước ngoài*, 2005 (2), tr. 85 – 87..
13. Khương Thanh Thúy (2008), *Xây dựng chương trình du lịch mạo hiểm tại trung tâm lễ hành Hội An*, Khóa luận tốt nghiệp ngành du lịch, Trường Đại học bách khoa Đà Nẵng.
14. Phạm Văn Thương và nnk (2010), *Tìm hiểu tiềm năng, thực trạng hoạt động và đề xuất giải pháp phát triển du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Cát Bà – Thành Phố Hải Phòng*. Khóa luận tốt nghiệp khóa bồi dưỡng tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững, Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường, 2010.
15. Nguyễn Thị Tú (2005), “Giải pháp phát triển du lịch ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 2005 (11), tr. 28 – 33.
16. Nguyễn Thị Tú (2006), “Phát triển du lịch sinh thái Việt Nam – những cơ hội và thách thức trong xu thế hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 2006 (16), tr.30 – 33, 43.
17. Nguyễn Thị Thanh Tùng (2006), “Các khu nghỉ sinh thái trên thế giới và Việt Nam”. *Tạp chí kiến trúc*, 2006 (7), tr.66 – 73.
18. Cục Kiểm Lâm (2009), *Diện tích và độ che phủ rừng tại xã Bán Thi, huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn*.
19. Hiệp hội Du lịch sinh thái (2000), *Du lịch sinh thái – Hướng dẫn cho nhà lập kế hoạch và quản lý, tập 2*. North Bennington, Vermont.
20. Harvard Business School (2001), *Du lịch sinh thái: Phần giới thiệu ngắn gọn*, Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright niên khóa 2007 – 2008, 9 trang
21. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2010), *Non nước Việt Nam – sách hướng dẫn du lịch*, Trung tâm Thông tin du lịch 2010.

22. Trung tâm Môi trường Công nghiệp, Viện KH & CN Mỏ - Luyện Kim (2007), *Điều tra đánh giá hiện trạng công tác hoàn thổ phục hồi môi trường và xây dựng kế hoạch, dự án thực hiện chương trình hoàn thổ phục hồi môi trường ở các vùng khai thác khoáng sản*, 2007, 400 trang.
23. Trung tâm Môi trường Công nghiệp, Viện KH & CN Mỏ - Luyện Kim (2009), *Xây dựng quy trình hoàn thổ phục hồi môi trường các vùng khai thác các loại hình khoáng sản và hỗ trợ hoàn thổ phục hồi môi trường cho một đơn vị khai thác khoáng sản*, 2009, 120 trang.
24. Trung tâm Môi trường Công nghiệp, Viện KH & CN Mỏ - Luyện Kim (2009), *Xây dựng mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm và hoàn thổ phục hồi môi trường trong khai thác, chế biến sa khoáng ven biển*, 2009, 88 trang
25. Trung tâm Môi trường Công nghiệp, Viện KH & CN Mỏ - Luyện Kim (2006), *Báo cáo Đánh giá tác động Môi trường dự án khai tuyển quặng xỉ nghiệp kẽm chì Chợ Điền, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn*
26. Xí nghiệp kẽm chì Chợ Điền (2007), *Báo cáo kết quả công tác BVMT và kiểm soát ô nhiễm năm 2007*, Bắc Kạn.
27. Xí nghiệp kẽm chì Chợ Điền (2008), *Báo cáo kết quả công tác BVMT và kiểm soát ô nhiễm năm 2008*, Bắc Kạn.
28. Xí nghiệp kẽm chì Chợ Điền (2009), *Phiếu điều tra, thống kê nguồn thải khai thác và chế biến khoáng sản kẽm chì*, Bắc Kạn.
29. *Luật du lịch Việt Nam* (Luật số 44/2005/QH 11).
30. Quyết định 71/2008/QĐ-TTg ban hành ngày 28/5/2008 , *Quyết định về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản*.
31. Quyết định số 02/2003/QĐ-BTNMT ban hành ngày 29/7/2003 về *Quy chế BVMT trong lĩnh vực du lịch*. Kèm theo 4 phụ lục.
32. Quyết định số 91/2008/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, *phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020*.

33. Thông tư 34/2009/TT-BTNMT ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009, *hướng dẫn lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận dự án cải tạo, phục hồi môi trường và kỹ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.*
34. Sở Công thương Phú Thọ.
35. Sở Công thương Đồng Nai. Trang web: <http://www.doit-dongnai.gov.vn/>
36. Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ tổng hợp Thanh Niên Cửa Hội
Trang web của xí nghiệp: <http://thanhniencuahoi.com/>

2. Tài liệu tiếng Anh

37. Fundeso (2004), *Manual for the development and management of ecotourism in protected areas of Northern VietNam*, Training on ecotourism development in protected areas of Northern Vietnam, 2004, 85 pages
38. J. Arwel Edwards, Joan Carles Llurdes I Coit, “Mines and Quarries – Industrial Heritage Tourism”, *Annals of Tourism Research*, 1996 (2), pp. 341 – 363
39. Jeremy Bultjiens, David Brereton, Paul Memmott, Joseph Reser, Linda Thomson, Tim O’Rourke, 2007. *The mining sector and indigenous tourism development in Weipa, Queensland; Australia.*
40. Julianna Priskin, 2001. *Assessment of natural resources for nature – based tourism: the case of the Central Coast Region of Western Australia.* *Tourism Management* 2001 (22) pp 637 – 648
41. Kriselda delos Santos, 2008. “Malaysia ‘s ex-mines: Turning wastelands into wonder”. *Newsbreak* <http://newsbreak.com.ph>
42. Michael Pretes, 2002. *Touring mines and mining tourists.* *Annals of Tourism Research*, 2002 (29) pp 439 – 456, Australian National University, Australia.
43. Phan Nguyen Hong, Phan Thi Quynh Dao, Le Kim Thoa, October 2002. *Ecotourism in Viet Nam: Potential and Reality*
44. Sarah Moset, 2010. *Putrajaya: Malaysia ‘s new federal administrative capital,* *Cities* 2010 (27), pp 285 – 297, USA

45. Tan Boon Kong, Ibrahim Komoo, *Urban Geology: Case Study of Kuala Lumpur, Malaysia*, Engineering Geology, 1990 (28), pp. 71 – 94, The Netherlands
46. QuickMBA, *SWOT analysis 2008*
47. WTTC (World Travel and Tourism Council), 2010. *Travel and Tourism Economic Impact: Viet Nam 2010*

Phụ lục 1: Một số hình ảnh về các khu du lịch sinh thái – mạo hiểm trên thế giới và Việt Nam xây dựng từ khu khai thác mỏ đã ngừng hoạt động

1. Malaysia



Hình 1.1: Mỏ thiếc bỏ hoang (một góc nước đọng) năm 1987



Hình 1.2: Hệ thống sân golf đã xây dựng trên nền mỏ thiếc bỏ hoang.



Hình 1.3: Các moong khai thác thiếc ngập nước lâu ngày (năm 1997)



Hình 1.4: Khu bảo tồn đất ngập nước và khu nghỉ dưỡng đã xây dựng trên nền khu mỏ thiếc



Hình 1.5: thành phố Putrajaya

2. Việt Nam

a) Khu du lịch sinh thái Cửa Hội, Nghệ An – Mỏ titan Cửa Hội



Hình 1.6: Xí nghiệp Khai thác Titan Cửa Hội



Hình 1.7: Khai thác titan ven biển Cửa Hội (tuyên Vít xoắn ven biển)



Hình 1.8: Khu vực HTPHMT ven Cửa Hội sau 2 năm (trồng cây phòng hộ cửa sông ven biển)



Hình 1.9: Khu vực HTPHMT ven Cửa Hội sau 5 năm (trồng cây phòng hộ cửa sông ven biển)



Hình 1.10: Khu du lịch sinh thái Cửa Hội



Hình 1.11: Khu nhà sàn sinh thái



Hình 1.12: Cơ sở làm đồ lưu niệm biển



Hình 1.13: Cơ sở chế tác đồ lưu niệm

b) Khu du lịch sinh thái Bửu Long, Đồng Nai – Mỏ đá Bửu Long



Hình 1.14: Hồ Long Ân



Hình 1.15: Du khách vui chơi



Hình 1.16: Làng nghề đá Bửu Long



Hình 1.17: Sư tử đá sản phẩm làng nghề

c) Khu du lịch sinh thái Thanh Nhân – Mỏ Pyrit Giáp Lai cũ



Hình 1.18: Quang cảnh khai trường 3 mỏ Giáp Lai năm 1997



Hình 1.19: Quang cảnh khai trường 3 mỏ Giáp Lai (cũ) năm 2009



Hình 1.20: Chùm ảnh về khu du lịch sinh thái Thanh Nhân (đang xây dựng)

PHỤ LỤC 2: Văn bản pháp luật

BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2003/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực Du lịch

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27/12/1993;

Căn cứ Pháp lệnh Du lịch số 11/1999/PL-UBTVQH10 ngày 08/02/1999;

Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18/10/2002 của Chính Phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 91/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính Phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 123/VPCP/KTTH ngày 8/1/2003 của Văn phòng Chính phủ;

Sau khi thống nhất với Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch (Công văn số 812/TCDL-PC ngày 27/6/2003 của Tổng cục Du lịch);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ môi trường và Vụ trưởng Vụ pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Du lịch, Du lịch - Thương mại, Thương mại - Du lịch và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

(Đã ký)

Mai Ái Trục

**CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG ĐỂ TỔ CHỨC
MỘT SỐ LOẠI HÌNH DU LỊCH CƠ BẢN**

Yếu tố môi trường	Đơn vị	Du lịch tham quan	Du lịch nghỉ dưỡng	Du lịch thể thao-mạo hiểm	Du lịch sinh thái
<i>Chất lượng nước sinh hoạt</i>					
PH		6.5 - 8.5	6.5 - 8.5	6.5 - 8.5	6.5 - 8.5
Độ trong	Cm	>30	>30	>30	>30
Mùi vị		0	0	0	0
Muối mặn vùng nội địa	mg/l	250	250	250	250
Muối mặn vùng ven biển	mg/l	400	400	400	400
Đồng	mg/l	0,2	0,2	0,2	0,2
Sắt	mg/l	0,3	0,3	0,3	0,3
Mangan	mg/l	0,1	0,1	0,1	0,1
Kẽm	mg/l	5,0	5,0	5,0	5,0
Asen	mg/l	0,05	0,05	0,05	0,05
Chì	mg/l	0,05	0,05	0,05	0,05
Thủy ngân	mg/l	0,001	0,001	0,001	0,001
Chất tẩy rửa	mg/l	0	0	0	0
Coliform	MPN/100ml	0	0	0	0
<i>Chất lượng nước mặt lục địa</i>					
pH				5,5 - 9,0	5,5 - 9,0
Mùi				Không khó chịu	Không khó chịu
BOD(20°C)	mg/l	-	-	<25	<25
COD	mg/l	-	-	>25	>25
Oxy hòa tan	mg/l	-	-	>2	>2
Chất rắn lơ lửng	mg/l	-	-	50	50
DDT	mg/l	-	-	0,01	0,01
Đồng	mg/l	-	-	1,0	1,0
Sắt	mg/l	-	-	2,0	2,0
Mangan	mg/l	-	-	0,8	0,8
Kẽm	mg/l	-	-	2,0	2,0
Asen	mg/l	-	-	0,1	0,1
Chì	mg/l	-	-	0,1	0,1
Thủy ngân	mg/l	-	-	0,002	0,002
Chất tẩy rửa	mg/l	-	-	0,5	0,5
Coliform	PN/100ml	-	-	5.000	5.000
Dầu mỡ	mg/l	-	-	0,3	0,3
<i>Chất lượng nước biển</i>					
BOD	mg/l	-	-	20<	20<
COD	mg/l	-	-	25<	25<
Hàm lượng vật chất lơ lửng	mg/l	-	-	50<	50<

pH		-	-	6,5 - 8,5	6,5 - 8,5
Mùi		-	-	Không khó chịu	Không khó chịu
Chì	mg/l	-	-	0,1<	0,1<
Kẽm	mg/l	-	-	0,1<	0,1<
Đồng	mg/l	-	-	0,02<	0,02<
Váng dầu	mg/l	-	-	Không	Không
Nhũ dầu	mg/l	-	-	0,3<	0,3<
Coliform	PN/100ml	-	-	1.000<	1.000<
Tổng hóa chất bảo vệ thực vật (trừ DDT)	mg/l	-	-	Tiêu chuẩn nước uống	Tiêu chuẩn nước uống
<i>Chất lượng không khí</i>					
Nồng độ SO₂ (24 giờ)	mg/m³	0,05<	0,05<	0,05<	0,05<
Nồng độ CO (24 giờ)	mg/m³	3,0<	3,0<	3,0<	3,0<
Nồng độ NO₂ (24 giờ)	mg/m³	0,1<	0,1<	0,1<	0,1<
Hàm lượng bụi (24 giờ)	mg/m³	0,05- 0,1	0,05- 0,1	0,05- 0,1	0,05- 0,1
Tiếng ồn	DB	45 - 50	45 - 50	35 - 40	35 - 40

**ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG ĐỂ TỔ CHỨC MỘT SỐ
LOẠI HÌNH DU LỊCH CƠ BẢN**

Yếu tố môi trường	Đơn vị	Du lịch tham quan	Du lịch nghỉ dưỡng	Du lịch thể thao-mạo hiểm	Du lịch sinh thái
<u>Điều kiện môi trường</u>					
Độ mặn	‰	>20	>20	-	>20
Độ cao sóng biển	M	2,0<	2,0<	-	2,0<
Tốc độ dòng chảy	m/giây	0,2<	0,2<	-	0,2<
Nhiệt độ nước	OC	>20	>20	-	>20
Nhiệt độ không khí	OC	>25	>25	-	>25
Tầm nhìn xa	Km	>10	-	>10	>10
<u>Đặc điểm sinh thái</u>					
Các loại động vật gây hại		Không có mặt	Không có mặt	Không có mặt	Không có mặt
Tảo, nấm có độc tố (Dinoflagellate,...)		Không có mặt	Không có mặt	Không có mặt	Không có mặt
<u>Điều kiện khác (Sức chứa)</u>					
Diện tích mặt nước cho một du khách	m ² /người	-	15 - 20	-	-
Diện tích bãi cát cho một du khách	m ² /người	-	10 - 15	-	-
Mật độ TB người tắm biển trong thời gian cao điểm	người/m dài bờ biển	-	4	-	-
Thuyền buồm	chiếc/ha	2 - 4	2 - 4	2 - 4	-
Lướt ván	người/ha	-	1 - 2	1 - 2	-
Picnic	người/ha	40 - 100	-	-	40-100
Vui chơi giải trí ngoài trời	m ² /người	100	100	-	-
Đi bộ trong rừng	người/km	10	-	10	10
Đi săn	người/ha	-	-	2	-